



Văn hoá Phật giáo truyền thống - Tập I (Phần 2/3)

ISSN: 2734-9195

08:50 20/12/2024

Đức Thích Ca Mâu Ni sáu năm khổ hạnh trên núi Tuyết, giữ gìn giới hạnh tinh nghiêm không thể có ai giữ gìn giới hạnh hơn được. Nhờ thế tâm Ngài ly dục ly ác pháp hoàn toàn, trở thành bất động. Cho đến khi trở về với Tứ Thánh Định trong 49 ngày đêm không biết mỗi một Ngài đắc Bốn thiền, thực hiện Tam minh, chứng Thánh quả A La Hán. Một con người bằng xương, bằng thịt như bao nhiêu người khác nhưng lại là con người phi thường.

Văn hóa Phật giáo truyền thống - Tập I - Phần 2/3

ĐỨC HẠNH SA DI

Đức hạnh Sa Di là phải lấy gốc cây làm giường nằm, lấy nghĩa địa làm nhà ở. Đó là tập hạnh buông xả, ly dục ly ác pháp.



GIỚI ĐỨC SA DI THỨ TÁM: KHÔNG NẪM GIƯỜNG CAO RỘNG LỚN

Không nằm giường cao rộng lớn là một **ĐỨC THANH BẦN**. Người xuất gia cũng như những người tại gia cần phải học hiểu và sống cho đúng đức hạnh thì mới xứng đáng là đệ tử của Phật.

Nằm giường cao rộng lớn không đúng oai nghi tế hạnh, không đúng tư cách của một tu sĩ Phật giáo. Vì nằm giường cao rộng lớn, gỗ quý giá có nghĩa là một tu sĩ giàu sang, trái ngược với hạnh thanh bần của một tu sĩ Phật giáo.

Người tu sĩ Phật giáo nằm giường cao rộng lớn thường ngủ thiếu tỉnh giác, lẫn lộn dễ dàng, nằm sấp, nằm ngửa, nằm nghiêng, quay lộn tứ hướng, v.v.. nằm ngủ như vậy có đúng Thánh hạnh của một vị Thánh Tăng không? Thưa quý bạn?

Các bạn nghĩ sao, với tư cách một tu sĩ nằm ngủ như vậy, các bạn có chấp nhận không?

Một tu sĩ Phật giáo nằm giường cao rộng lớn sang đẹp, mềm êm nệm ấm là đã phá hạnh thanh bần của một vị Thánh Tăng **“xả phú cầu bần...”**.

Giới cấm không nằm giường cao rộng lớn là giới cấm giữ gìn oai nghi tế hạnh khi nằm ngủ của một bậc Thánh Tăng cho đúng Thánh hạnh tu hành giải thoát.

Thánh hạnh thanh bần của một vị tu sĩ Phật giáo là đúng nghĩa giải thoát của nó, nếu ai sống ngược lại thì không đúng nghĩa.

Xưa đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ bỏ những thứ sang giàu để chấp nhận một đời sống, lấy gốc cây làm giường nằm. Đó là một Thánh hạnh thanh bần giải thoát những vật chất thế gian của đức Phật rất là tuyệt vời mà chúng ta cần phải noi gương. Chúng ta là những tu sĩ Phật giáo hiện thời mà sao lại quên đi gương hạnh giải thoát cao quý này? Lại nữa để tâm tham đắm giường cao rộng lớn, để cho đời mĩ mai Phật giáo, thật là đau lòng. Phải không các bạn?

Nếu đã đi tu theo Phật giáo thì phải làm tròn bốn phạm đạo đức Thánh hạnh của người tu sĩ Phật giáo, có nghĩa là giới luật phải nghiêm chỉnh. Thà không đi tu thì thôi, chứ đừng đi tu mà vi phạm giới luật thì xấu hổ lắm các bạn ạ! Nếu đi tu phạm giới thì cởi áo cà sa trả lại cho chùa, đừng để mọi người mĩ mai Phật giáo. Đó là trách nhiệm và bốn phạm của người tu sĩ Phật giáo.

Là một du Tăng khát sĩ làm sao mang theo giường cao rộng lớn được, vì đời sống của họ phải rày đây, mai đó, nay ở chỗ này mai ở chỗ kia. Chủ trương của đạo Phật cũng như gương hạnh của đức Phật chúng ta là hàng đệ tử của Người, không thể nào chối bỏ hạnh du Tăng khát sĩ được.

Chỉ có trụ thế Tăng đời sống ở một chỗ nên mới có giường cao rộng lớn. Vì thế tất cả những tu sĩ trụ thế Tăng đều phạm giới, phá giới, không những giới luật này mà còn nhiều giới khác nữa.

Chúng ta xác định chắc chắn giới luật Phật bị phá hủy là do phần đông tu sĩ trụ thế Tăng.

Mục đích của đạo Phật là phải tu tập ly dục ly ác pháp. Cho nên giới luật Phật là hạnh ly dục ly ác pháp. Trụ thế Tăng vì không biết, không thông hiểu mục đích ly dục ly ác pháp của đạo Phật, nên luôn luôn phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, vì thế vô tình hay hữu ý mà họ đi ngược lại đường lối tu tập của đạo Phật, tâm luôn luôn bám chặt vào vật chất thế gian. Cho nên hạnh thiếu dục tri túc, ba y một bát họ không sao sống được, giữ gìn được, do vậy mà chùa to Phật lớn bắt đầu phát triển mọc lên như nấm, tốn hao biết bao nhiêu của đàn na thí chủ. Chúng ta hãy nhìn khắp trên hành tinh này, sự tốn hao mồ hôi nước mắt của loài người đã đổ về cho tôn giáo không biết bao nhiêu mà kể, nhưng tôn giáo đã đem lại những lợi ích gì thiết thực cho chính họ hay chỉ là một mơ ước, một hy vọng hão huyền?

Muốn có chùa to Phật lớn, sống trong danh lợi vật chất đầy đủ thì họ phải làm sao?

Bằng mọi cách để đạt được mục đích ấy, họ phải đẻ ra pháp môn bùa mê, chú thuật, thần thông phép thuật, kêu mưa gọi gió, sai đậu thành binh, v.v.. Họ còn dựa vào sự mê tín của dân gian còn lạc hậu, khi dân trí chưa cao, sản xuất ra pháp cúng bái tụng niệm cầu siêu, cầu an, cầu tài, cầu lợi, xem sao, bói quẻ, xem ngày giờ tốt xấu cất nhà, cưới vợ, gả con, v.v..

Bằng mọi cách để đạt được mục đích họ đẻ ra thế giới siêu hình bày vẽ cảnh giới Cực Lạc Tây Phương, Thiên Đàng, địa ngục để lường gạt những người nhẹ dạ, non lòng v.v.. Như vậy cũng chưa đủ, nên bằng mọi cách họ còn đẻ ra những pháp môn thiền tưởng, thiền xuất hồn, thiền kiến tánh thành Phật v.v...

Từ chỗ tu sai pháp, phạm giới luật, đánh mất Thánh hạnh thanh bần ly dục ly ác pháp, họ đã làm mất con đường cứu kính giải thoát của đạo Phật. Từ chỗ tu hành đã biến họ trở thành người giàu sang, có chùa to Phật lớn, có vật chất đầy đủ không thua kém gì người thế tục. Mang tiếng đi tu chứ họ đâu có tìm thấy sự

giải thoát của thân tâm mình; họ đâu có tìm thấy mình thoát ra khỏi vòng thế tục ô nhiễm và nhiều cay đắng, khổ đau.

Giới Thánh Đức Thanh Bản đã lập nên một người tu sĩ đúng nghĩa xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo của Phật giáo. Thế mà người tu sĩ Phật giáo hiện giờ sống không đúng giới hạnh, giới đức, thường vi phạm giới bổn, mà cứ ngỡ tưởng mình tu đúng pháp, mình là đệ tử của Phật, nào ngờ cuộc sống của quý vị đã xác định quý vị là tu sĩ ngoại đạo, sống theo dục lạc thế gian...

“Giới luật là Thầy của mọi người. Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất”, đó là lời di chúc sau cùng của đức Phật. Vậy mà tu sĩ Phật giáo hiện giờ phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, lại còn cho người giữ giới là lỗi thời, tu như vậy không chứng đạo. Những vị thầy ấy Thánh Hạnh Sa Di chưa giữ trọn thì làm Thầy thiên hạ có xứng đáng không, thưa quý vị?

Giới luật giúp cho người tu sĩ ly dục ly ác pháp để có được một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự. Với tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, đó là trạng thái ly dục ly ác pháp, phải không các bạn?

Như vậy từng mỗi giới luật của Phật có ly dục trong mỗi khía cạnh của tâm dục chúng ta.

Giới Đức thánh Sa Di không nằm giường cao rộng lớn là giúp cho người tu sĩ lìa xa vật chất thế gian, xa lìa tâm dục thích êm ấm, sang đẹp, xa lìa tâm giàu sang, sống tâm thanh bần, sống đời đơn giản tri túc thiểu dục. Người tu sĩ mà còn cần giường nằm là còn dính mắc thì làm sao ra khỏi được nhà sanh tử.

Thân tâm của con người là thân tâm đắm nhiễm, khi người tu sĩ xem thường sự đắm nhiễm thì sẽ bị đắm nhiễm. Ví dụ: ta sống quen hạnh lấy gốc cây làm giường nằm, thì ta nằm ngủ rất dễ dàng, còn những người nằm giường cao rộng lớn êm đẹp thì quen với giường cao rộng lớn, nên khi lấy gốc cây làm giường nằm thì ngủ rất khó khăn.

Nếu không lập hạnh ly dục này thì sự tu hành chỉ hoài công vô ích, uổng phí một đời tu hành.

Giới Đức Thánh Sa Di không nằm giường cao rộng lớn có mục đích tạo cho du Tăng khát sĩ rày đây mai đó. Cuộc sống rày đây mai đó là cuộc sống không dính mắc. Giường cao rộng lớn là một đối tượng không tiện lợi cho đời sống du Tăng khát sĩ.

Giới cấm này có mục đích giúp cho chư Tăng thoát ra khỏi đời sống trụ thế Tăng. Có thoát ra khỏi đời sống trụ thế Tăng thì mới mong tìm thấy con đường

giải thoát.

Đời sống chư Tăng khát sĩ thì không có chùa to Phật lớn, vì không có chùa to Phật lớn nên đời sống giải thoát và tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không, thật là an ổn và tự tại, còn có chùa to Phật lớn thì không phải là du Tăng khát sĩ. Không phải là du Tăng khát sĩ thì đời không thể nào tự tại vô ngại được.

Những du Tăng khát sĩ là những người biết buông xả, biết ly dục ly ác pháp, biết tìm sự giải thoát ra khỏi vùng thế tục nhiều cay đắng.

Giới không nằm giường cao rộng lớn, nghe đơn giản nhưng rất đầy đủ ý nghĩa giải thoát của một vị tu sĩ Phật giáo. Một vị Thánh Tăng mà còn nằm giường cao rộng lớn, gỗ quý giá thì Thánh hạnh Thánh Tăng đâu còn nữa. Phải vậy không thưa quý vị?

Một vị tu sĩ nằm giường cao rộng lớn mềm êm, nệm ấm thì đâu còn có Thánh hạnh nữa; họ chỉ là một người phàm phu tục tử, tâm còn tham đắm vật chất về ngủ nghỉ; sống giống như một ông quan, một nhà vua, một người giàu sang, v.v..

Giới Đức Thánh Sa Di Thanh Bần không cho phép một tu sĩ vi phạm giới luật này, bởi vì vi phạm giới này thì sao còn được gọi là thanh bần? Đã là Thánh hạnh thanh bần thì không nên phạm giới này, vì vi phạm giới này Thánh hạnh thanh bần không còn nữa.

Tóm lại, giới đức Thánh Sa Di Thanh Bần này giúp cho người tu sĩ được tự tại giải thoát ly dục về ngủ nghỉ về vật chất thế gian mà người thế tục không thể làm được.

Vậy, hỡi các bạn tu sĩ Phật giáo, từ chú Sa Di mới vào tu cho đến những vị Đại Đức, Thượng Tọa, Hoà Thượng, nên nghiêm chỉnh giữ gìn giới luật này thì mới xứng đáng là đệ tử của Phật, thì mới xứng danh Đại Đức, Thượng Tọa, Hoà Thượng; bằng ngược lại thì nên cởi áo cà sa trả lại cho Phật giáo, vì Phật giáo không chấp nhận những người tu sĩ như vậy. Những tu sĩ như vậy là những tu sĩ phá hoại Phật pháp, là Ma Ba Tuần trong Phật giáo.

Xin quý vị lưu ý: ***“Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất”***.

--o0o--

GIỚI ĐỨC SA DI THỨ CHÍN: KHÔNG ĂN UỐNG PHI THỜI

Không ăn uống phi thời là một **ĐỨC LY DỤC**. Người xuất gia cũng như những người tại gia cần phải học.

Giới Thánh Đức Ly Dục rất cần thiết cho người tu sĩ Phật giáo, vì thế người cư sĩ cũng như người tu sĩ khi đến với Phật giáo phải một lòng cung kính và tôn trọng giới luật này. Nó khởi sự bắt đầu xác định cho mọi người thấy một tu sĩ có phải là một tu sĩ Phật giáo chân chánh hay không chân chánh?

Nếu một tu sĩ phạm giới này thì không phải là tu sĩ Phật giáo chân chánh. Nếu không phạm giới này thì đây mới là tu sĩ chân chánh của đạo Phật.

Nếu ai không coi trọng và tôn kính giới luật này thì người ấy là tu sĩ ngoại đạo.

Ăn uống là sự tiếp thu tứ đại bên ngoài để nuôi dưỡng tứ đại bên trong của sắc thân tứ đại chúng ta. Nhưng ăn uống phải biết tiết độ, không biết tiết độ ăn nhiều quá (bội thực) cơ thể cũng dễ sanh ra bệnh tật, ăn ít quá cũng vậy. Chỉ có ăn uống như thế nào để vừa đủ cho cơ thể không thiếu mà cũng không thừa.

Trong thời gian tu hành của đức Phật, Ngài đã rút ra được một kinh nghiệm! Ăn nhiều quá thì thừa dư chất bổ nên sắc thân sanh ra sắc dục, thù miên, hôn trầm. Sắc dục, thù miên, hôn trầm cũng là một loài dục của tâm. Cho nên người ăn nhiều dễ sanh ra buồn ngủ, lười biếng, dâm dục; nhưng nếu ăn ít quá thì cơ thể thiếu những chất bồi dưỡng, sanh ra yếu đuối, dễ bị bệnh tật và nhiều điều khác nữa.

Từ đời sống vua chúa ăn uống quá nhiều đến đời sống khổ hạnh ăn uống quá ít. Đức Phật đã trải qua kinh nghiệm cuộc sống của mình như vậy, nên Ngài đã xác định: ăn ngày một bữa là đủ cho cơ thể có một sự sống tốt đẹp.

Thưa các bạn! Theo kinh nghiệm tu hành của chúng tôi, người tu sĩ làm việc nhiều hơn người thế tục. Tại sao vậy?

Suốt 24 tiếng đồng hồ người tu sĩ luôn luôn làm việc không những bằng trí óc mà còn lao động bằng tay chân cơ thể, họ có thể đi bộ từ 5 đến 10 cây số, còn đầu óc làm việc không nghỉ ngơi, làm việc như vậy mà ăn ngày chỉ có một bữa ăn, thế mà vẫn khoẻ mạnh, thân ít bệnh đau.

Người đời không biết tưởng ăn nhiều là khoẻ mạnh, ăn nhiều cơ thể phải làm việc nhiều, cơ thể tự động làm việc nhiều thì người mau già, tuổi thọ bị giảm.

Các bạn cứ suy nghĩ những lời nói của chúng tôi, đừng có tin ngay liền. Khi nào tin thì phải chứng nghiệm lời dạy của chúng tôi có kết quả.

Chúng ta nên hiểu ngày ăn một bữa khi ăn phải tốn công sức rất nhiều. Trước khi ăn bạn phải lo nấu nướng, trong khi đang ăn uống bạn phải nhai nuốt, thực phẩm vào bao tử phải tiêu hoá, sau khi ăn xong bạn phải rửa bát chén và dọn dẹp.

Nếu ngày ăn ba bữa, quý bạn phải xét thấy rằng quý bạn phải bỏ ra một người lo nấu nướng dọn dẹp. Ngày ngày trôi qua, ngày nào cũng như ngày nào, việc ăn uống chiếm một phần lớn lao trong lao động của các bạn.

Khi bạn ăn nhiều tâm bạn sinh ra dục, do nhiều dục bạn phải gặt hái lấy biết bao nhiêu thứ đau khổ cho cuộc đời của bạn. Bạn có biết không?

Vì ăn uống phải làm việc nhiều như vậy, nên người tu theo đạo Phật, chỉ ăn ngày một bữa. Vì thế mà người ta sống nhàn nhã vô sự, thoải mái. Ngày một bữa giúp cho bạn có nhiều thì giờ ngồi chơi sống một mình. Khi cảm thấy sống một mình được an trú thì lúc bấy giờ thân tâm của bạn thật là hạnh phúc.

Giới Thánh đức không ăn uống phi thời là để xác định tu sĩ giả hay tu sĩ thật như chúng tôi đã nói ở trên. Người giả tu, tâm còn tham dục phần nhiều phải lộ diện về mặt ăn uống phi thời.

Cho nên giới này là để giúp cho người cư sĩ dễ nhận xét người tu sĩ Phật giáo giữ giới luật đúng hay là sai.

Đúng là những vị sư Thầy ấy phải ăn ngày một bữa. Sai là những vị Thầy ăn uống phi thời.

Như vậy hiện giờ quý Thầy tu sĩ Phật giáo như thế nào? Chắc chắn quý vị đã rõ. Chỉ có một giới không ăn phi thời thì quý vị thấy rõ sự thật tu sĩ Phật giáo hiện giờ chỉ là những tu sĩ chạy theo dục lạc ăn, ngủ, danh lợi chứ không phải ly dục như Phật dạy. Đó là tu sĩ giả.

Giới Đức Thánh Sa Di không ăn uống phi thời giúp cho tu sĩ tám điều lợi ích:

1. Thứ nhất có nhiều thì giờ tu tập.
2. Thứ hai tâm ly dục về sự ăn uống.
3. Thứ ba cơ thể ít bệnh tật.
4. Thứ tư ít buồn ngủ, hôn trầm.
5. Thứ năm xứng đáng là một tu sĩ Phật giáo sống đời thiếu dục tri túc.
6. Thứ sáu đời sống vượt hơn người chưa xuất gia.

7. Thứ bảy cơ thể nghỉ ngơi ít làm việc.
8. Thứ tám người cư sĩ rất mến phục và tôn kính.

Muốn nhập các loại định từ Sơ thiền đến Tứ thiền và thực hiện Tam Minh thì người tu sĩ phải ăn ngày một bữa, nếu không ăn một bữa được thì chẳng bao giờ nhập được các loại Thánh định này và cũng không bao giờ thể hiện được Tam Minh. Như vậy chúng ta thấy ăn ngày một bữa thật là quan trọng cho cuộc đời tu học của chính mình. Vì thế đức Phật dạy: **“thừa tự pháp chứ đừng thừa tự thực phẩm”**. Chúng ta ai cũng biết: **“Ăn để sống để tu tập giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết”**. Người quyết chí tu hành thì chớ nên ăn uống phi thời.

Người tu sĩ Phật giáo là người muốn biến cảnh thế gian thành cảnh Cực Lạc, Thiên Đàng. Vì Cực Lạc, Thiên Đàng là nơi để cho tâm hồn của mọi người được an lạc, thanh tịnh và vô sự, chứ không phải là nơi sống để ăn uống, ca hát, nhạc kịch v.v.. Đừng nghĩ rằng: cõi Cực Lạc, Thiên Đàng là nơi lều quán buôn bán ăn uống, vui chơi ca hát. Vì buôn bán ăn uống vui chơi ca hát là còn sống trong cảnh dục lạc thế gian, thì làm sao gọi đó là cảnh Thiên Đàng, Cực Lạc được. Phải không quý vị?

Cho nên ngay tại thế gian chúng ta sống ngày ăn một bữa là chuẩn bị cho mình một cuộc sống nơi Cực Lạc, Thiên Đàng hay nói cách khác là chúng ta đã biến cảnh thế gian thành Cực Lạc, Thiên Đàng đó rồi.

Bởi vậy ăn ngày một bữa, chúng ta suy ngẫm cho thật kỹ, thì chúng ta cảm thấy thân, tâm mình thanh thản, an lạc và vô sự. Thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự thì không phải nơi đó là Thiên Đàng, Cực Lạc sao?

Có chú Huệ Cần xin vào tu viện tu tập. Mới những ngày đầu chú quá thích bảo: **“Ôi! Đời sống ở đây như Tiên trên trời, ăn ngày một bữa, không làm gì cả, ở không suốt cả ngày, ngồi chơi thanh thoi thật là tuyệt vời”**. Nhưng lần lượt tâm đời của chú sống dậy chú cảm thấy cô đơn, buồn tẻ, nhớ cha, nhớ mẹ, nhớ nhà cửa, nhớ bạn bè v.v.. kế tiếp hôn trầm, thù miên, loạn tưởng khởi lên tấn công đánh chú. Do đó chú chịu hết nổi, liền bỏ cảnh giới Tiên chạy về nhà sống cảnh trần tục với cha mẹ.

Bởi vậy ai cũng muốn tu tập để được vắng sanh về Cực Lạc, để được sanh về cõi Trời, để được về cảnh giới Niết Bàn, để được trở về bản tánh của mình. Nhưng khi được trở về thì ai cũng chạy trốn.

Ở thế gian mọi người cứ ngỡ tưởng rằng: ở cõi Cực lạc, Thiên đàng cũng giống như ở thế gian, có nhiều lều quán ăn uống ca nhạc suốt ngày đêm, v.v.. Sự nghĩ tưởng như vậy không đúng, các bạn ạ!

Cõi Trời, cõi Cực lạc, ở đó không có lầu quán buôn bán ăn uống và người ta cũng không có ăn uống như quý bạn! Ở đó chỉ có cuộc sống trầm lặng độc cư, họ không có nói chuyện với nhau, vì thế mới gọi là cõi Cực Lạc, Thiên Đàng.

Các bạn có biết không? Với tâm hồn người thế gian của chúng ta mà sống trong các cõi đó thì cô đơn buồn lắm các bạn ạ! Chắc chắn các bạn cũng không hơn gì chú Huệ Cần.

Tưởng cõi Cực Lạc Tây Phương và cõi Thiên Đàng là sung sướng lắm, là đầy đủ lắm, muốn chi có vậy. Thưa các bạn! Các bạn tưởng như vậy là sai, vì cõi đó người ta không còn dục, nên không còn ai ham muốn vật gì hết. Ăn, ngủ, vui chơi ca hát người ta cũng không ham muốn, nên ở đó vắng lặng. Ở đó người ta không thích ăn, nên người ta cũng không có làm việc như ở cõi thế gian, họ sống vô sự rất là thanh thoi, an nhàn. Vả lại người ta không có nói chuyện với nhau, thường sống cô đơn một mình, nên cảnh giới ở đó rất là im lặng, không có tranh luận hơn thua, không có tranh cãi, đánh nhau, không có đua đòi vật chất như ở thế gian.

Để được vào cảnh giới đó nên đức Phật trang bị cho chúng ta mười giới Thánh Sa Di. Khi chúng ta bỏ thân này thì được vào ngay liền. Muốn vắng sanh Cực Lạc, muốn lên Thiên Đàng, muốn vào Niết Bàn mà ngay bây giờ các bạn không tập sống đời sống trên các cõi đó thì các bạn làm sao sống trong các cõi đó được. Phải không các bạn?

Các bạn về tu viện Chơn Như là các bạn đang tập sống làm Thánh A La Hán, làm Bồ Tát, làm Phật, để sau này rời bỏ thế gian về các cõi đó. Thế mà về đây các bạn sống không được thì các bạn đừng mong về các cõi đó được. Dù có cho các bạn về đó thì chừng ít hôm các bạn cũng xách gói chạy về trần gian sống trong mùi tục lụy khổ đau.

Nếu các bạn không tu tập ăn ngày một bữa, không sống độc cư trầm lặng thì làm sao quý bạn sống hòa nhập với các cõi đó được. Vì thế đức Phật thích Ca Mâu Ni biết rất rõ điều này, nên Ngài mới dạy chúng ta ăn ngày một bữa và cấm không cho ca hát và nghe ca hát là để chúng ta có dịp hội tụ, hoà nhập vào các thế giới chư Phật, thế giới Niết bàn.

Nếu quý vị không chuẩn bị cho mình sống làm quen với thế giới chư Bồ Tát, chư Phật thì chúng tôi nghĩ rằng quý vị khó mà hoà nhập vào một đời sống khác hơn đời sống thế tục.

Cho nên giới không ăn uống phi thời là một giới rất quan trọng cho quý vị để hoà nhập vào đời sống Thánh thiện.

Ăn ngày một bữa chỉ có những Bồ Tát, những A La Hán và chư Phật thì mới sống nổi, còn không sống được như vậy, thì không thể gọi đó là Thánh Tăng, Thánh Ni, hay Thánh Cư Sĩ được.

Thánh đức ly dục ly ác pháp trong ăn uống mà người tu sĩ Phật giáo cần phải tu tập và giữ gìn nghiêm chỉnh thì sự ganh đua bon chen tìm danh lợi, tìm ăn uống mới chấm dứt.

Người ăn ngày một bữa thì còn gì mà bon chen danh lợi. Phải không quý bạn? Người đời chỉ vì ăn uống nên biến họ thành ra là loài động vật, loài động vật chỉ biết ganh đua cho sự sống để ăn uống mà thôi.

Người tu sĩ khi ăn ngày một bữa thì chùa to cũng không ham, Phật lớn cũng không thích, chỉ còn thích sống với một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự.

Ngày tháng trôi qua với nội tâm an ổn, không có một pháp nào tác động vào tâm hồn họ được, ngay cả mọi cảm thọ khổ đau cũng không làm lay chuyển tâm họ được.

Giới cấm không ăn phi thời nghe thì rất đơn giản, nhưng mấy ai sống đúng, làm đúng, chỉ vì tâm họ chưa ly dục ly ác pháp, nên sự tham đắm về ăn uống còn nặng nề, khiến cho họ tìm cách bề vụn giới, bằng ăn uống cách này hoặc bằng cách khác như: không ăn, thì họ uống sữa hay nước trái cây, hoặc chanh đường, bột nước khuấy loãng. Tuy sống như vậy nhưng đó cũng là hình thức ăn uống phi thời. Những hành động này đều có thể vi phạm Thánh hạnh ly dục.

Con đường tu tập giải thoát để ra khỏi nhà sanh tử, thì giới hạnh không ăn uống phi thời là một điều hết sức quan trọng và rất cần thiết cho người tu sĩ đệ tử Phật.

Vì Thánh hạnh đệ tử Phật là Thánh hạnh giải thoát, chúng ta há nỡ nào vi phạm để mọi người khinh chê Phật giáo, để cho tâm mình không được giải thoát.

Vì Thánh hạnh của một vị Thánh Tăng, Thánh Ni và Thánh cư sĩ chúng ta há nỡ nào ăn uống phi thời để đánh mất Thánh hạnh ly dục ly ác pháp này, thì còn gì là một tu sĩ mang đầy đủ ý nghĩa giải thoát của đạo Phật.

Thánh hạnh này không giữ trọn thì con đường tu kia làm sao chúng được quả Thánh. Thánh sao còn ăn uống phi thời.

Người cư sĩ phải biết cúng dường và tôn kính những vị Thánh Tăng, Thánh Ni, họ là những vị không phạm giới, không phá giới. Mười Giới Đức Thánh Sa Di rất lợi ích cho mình, cho Phật giáo.

Tại sao vậy? Tại vì một vị Thánh Tăng thân tâm của họ đã ly dục ly ác pháp.

Người thân tâm đã ly dục ly ác pháp mà quý Phật tử được cúng dường thì phước báu vô lậu kia có ngày quý vị sẽ được thọ hưởng. Còn cúng dường cho những vị Tăng phạm giới luật ăn uống phi thời thì phước báu vô lậu quý vị sẽ không còn có dịp gặp nữa. Riêng tu sĩ phạm giới này kiếp sau sẽ làm thân trâu bò, tôi, tớ, quân lính hầu hạ quý vị.

Giới đức Thánh không ăn uống phi thời, người tu sĩ Phật giáo cần phải cố gắng giữ gìn vì đó là một hạnh ly dục của bậc Thánh Tăng, Thánh Ni và Thánh cư sĩ không phải người phàm phu sống được. Xin quý vị lưu ý cho.

--o0o--

GIỚI ĐỨC SA DI THỨ MƯỜI: KHÔNG CẤT GIỮ TIỀN BẠC CHÂU BÁU

Không cất giữ tiền bạc, vàng ngọc, châu báu là một **ĐỨC LY THAM**. Người xuất gia cũng như người tại gia cần phải học hiểu và sống cho đúng giới luật đức hạnh này để không còn bị nô lệ cho tiền bạc.

Tại sao trong đạo Phật lại có giới luật không cất giữ tiền bạc mà các tôn giáo khác lại không có?

Đạo Phật là đạo ly dục, vì thế nên mới có giới không cất giữ tiền bạc của báu, còn các tôn giáo khác thì không có ly dục.

Không cất giữ tiền bạc của báu là một giới đức Thánh hạnh ly tham của bậc xuất gia. Người còn cất giữ tiền bạc là người còn tâm tham, dù người đó được tấn phong Hoà Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni và dù được mọi người kính nể, tôn trọng, nhưng những tu sĩ ấy vẫn còn tâm tham cũng giống như tất cả những người phàm phu khác.

Người muốn xa lìa tâm tham, sân, si thì không nên cất giữ tiền bạc, vì cất giữ tiền bạc mà muốn ly tâm tham, sân, si thì không bao giờ ly được, đó là một điều xác quyết nhất định trong đạo Phật là như vậy. Còn cất giữ tiền bạc mà tu theo đạo Phật thì uống công, dù có tu hành ngàn kiếp cũng khó tìm được sự giải thoát.

Tham tiền ở đây quý vị đừng nghĩ là tham lam trộm cắp, mà tham ở đây có nghĩa là ham tiền, ham bạc, ham danh, ham lợi tức chữ ham là ưa thích. Ưa thích tiền, ưa thích danh, ưa thích lợi... Tâm còn ưa thích tiền, danh, lợi... là ưa

thích ngã. Cho nên người ta thường nói vô ngã, nhưng còn cất giữ tiền bạc là còn nuôi ngã, còn phục vụ cho ngã, là tôi tớ cho ngã, chứ không phải là vô ngã.

Giới không cất giữ tiền bạc là đức hạnh ly tham diệt ngã, nếu ai giữ trọn giới này thì tâm tham bị diệt và ngã kia sẽ bị triệt tiêu.

Vì sự nghiệp giải thoát chúng ta phải giữ gìn nghiêm chỉnh giới không cất giữ tiền bạc. Chỉ trong đạo Phật mới có giới đức ly tham này để diệt ngã xả tâm, còn tất cả các tôn giáo khác đều không có giới này như trên đã nói.

Ngày xưa từ chỗ giàu sang vua chúa, để đi đến chỗ nghèo cùng chỉ còn đi xin ăn, không còn cất giữ một đồng xu trong túi, đức Phật đã phải trần trở vì bản ngã của mình. Cuối cùng Ngài quyết tâm thực hiện một đời sống vô ngã và chứng đạo. Nếu chúng ta không noi theo gương Người mà còn có một đồng xu dính túi thì chưa chắc chúng ta đã diệt được ngã, xả được tâm. Và tu như vậy thì chẳng bao giờ làm chủ sanh tử và chấm dứt luân hồi.

Giới đức không cất giữ tiền bạc sẽ giúp chúng ta diệt được ngã, xả được tâm một cách dễ dàng. Trong thời đại chúng ta chỉ có những tu sĩ khát sĩ mới làm được những Thánh hạnh này, nhưng số này cũng rất là hiếm.

Không cất giữ tiền bạc, châu báu, ngọc ngà có nhiều điều lợi ích rất lớn cho sự tu hành của chúng ta:

1. Tâm hồn vô sự, thanh thản và an lạc, không sợ trộm cướp, thân tâm không cực nhọc lo xây cất chùa cao cửa rộng sang đẹp. Ngược lại các nhà Đại thừa vì cất giữ tiền bạc nên tâm không vô sự, không thanh thản và an lạc, nên thường sinh ra nhiều công việc như: xây cất chùa to Phật lớn, tạo cảnh quan đẹp mắt, để quyến rũ du khách tham quan, khiến nơi tu hành không còn thanh tịnh mà trở thành khu du lịch kinh doanh làm giàu.
2. Có tiền tâm dục dễ sanh, nhất là ngũ dục lạc: sắc, danh, lợi, thực, thù. Năm điều này tâm dễ bị cám dỗ và sa ngã. Bằng chứng chúng ta đã tận mắt thấy quý Thầy không có một vị nào không rơi vào năm điều trên.
- 3.
4. Có tiền bị đồng tiền sai khiến, mua sắm cái này, cái khác. Ví dụ: ăn uống thì phải ăn ngon, cao lương mỹ vị; nhà ở thì phải phòng ốc sang đẹp; giường nằm thì phải rộng lớn, mềm êm, nệm ấm; di chuyển thì xe cộ đủ loại; trang trí trong nhà thì đồ đạc đủ mọi thứ: nào là tivi, tủ lạnh, máy giặt, máy điều hòa, v.v..
- 5.
6. Y áo không còn ba y một bát, mà cả rương, cả tủ. Y áo không còn là y phẩn tạo mà toàn là bằng những vải đẹp, bóng tốt hàng nhập, v.v..

Người đời làm nô lệ cho tiền bạc mà không biết, tiền bạc sai khiến họ như tên nô lệ, như tôi tớ trong nhà, còn tệ hơn nữa như con bò, con trâu, con ngựa, v.v.. bị gác ách, gác xe trên vai, trên cổ.

Khi bị tiền bạc sai khiến thì tâm dục triển khai. Tâm dục triển khai thì khổ đau chồng chất.

Người không cất giữ tiền bạc thì tâm dục dù có muốn cái gì cũng không thực hiện được. Ví dụ: một người nghèo không có tiền bạc nên dù họ có muốn nhà cao cửa rộng sang đẹp, ruộng đất nhiều, xe cộ, v.v.. cũng chẳng mua sắm được, nhưng họ vẫn nuôi hy vọng muốn có nên tâm dục còn mãi không dứt. Ngược lại người tu sĩ Phật giáo vì muốn ra khỏi nhà sanh tử nên họ tự nguyện không cất giữ tiền bạc, để khi tâm dục khởi muốn cái gì thì họ mới có thể đủ sức ngăn và diệt tâm dục đó, còn nếu cất giữ tiền bạc thì rất khó hàng phục tâm dục được. Tại sao vậy?

Tại vì tâm chúng ta rất khôn khéo và gian xảo, lừa đảo chính chúng ta, nó chạy theo tâm dục mà bảo rằng: **“Ta làm Phật sự, vì chúng sanh, vì Phật giáo”**, do lý luận như vậy nên lấy tiền xây chùa to Phật lớn để thỏa mãn tâm, chạy theo danh lợi thế gian, chứ không phải để nhiếp phục mọi người theo Phật giáo, làm cho Phật giáo hưng thịnh. Nhưng với lý luận làm Phật sự, độ chúng sanh để che đậy tâm danh lợi của nó và nó còn lý luận rằng: **“Ta có làm gì cho cá nhân ta đâu mà gọi rằng ta chạy theo dục danh lợi?”**. Do lý luận này mà các tu sĩ học giả đều bị phạm giới, phá giới cất giữ tiền bạc; do lý luận này mà các tu sĩ học giả tu hành chẳng bao giờ tâm ly dục ly ác pháp và mãi mãi muôn đời tu hành chẳng làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Uống thay một đời tu hành không sáng suốt, đã bị tâm mình lừa đảo mình, chạy theo dục mà không biết, chạy theo danh lợi mà không hay. Thật đáng thương vậy.

Giới đức Thánh Tăng không cất giữ tiền bạc đã xác định cho quý vị Hòa Thượng biết rằng: họ đã đánh mất Thánh hạnh của chính họ, khiến cho họ không còn xứng đáng là Thánh đệ tử của Phật nữa, họ đã biến mình thành người phá hoại Phật giáo mà không biết (Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất), họ đã biến mình thành Ma Ba Tuần trong Phật giáo mà không hay. Thật đáng thương vậy!

Thưa quý vị! Mục đích bỏ cuộc đời đi tu là để tìm sự giải thoát ra khỏi nhà sanh tử luân hồi và cũng để trở thành những bậc Thánh Tăng, Thánh Ni xứng đáng là đệ tử của Phật. Có sao quý vị lại cất giữ tiền bạc để phạm giới Thánh đức như vậy, làm ô nhục cho Phật giáo như vậy, quý vị có xấu hổ hay không? Có tự thấy đau lòng hay không?

Không cất giữ tiền bạc, nên gọi người đó sống Thánh hạnh ly dục. Sống Thánh hạnh ly dục là sống đời phạm hạnh của một bậc Thánh Tăng, Thánh Ni. Do sống Thánh hạnh không cất giữ tiền bạc khiến cho thân tâm ly khai dục nhiễm của mùi tục lụy thế gian.

Không cất giữ tiền bạc là một phương cách giúp cho thân tâm của các bạn không thực hiện được sự ham muốn, vì không có tiền nên không làm theo ham muốn được. Đó cũng là cách ly dục ly ác pháp tuyệt vời. Người có tâm quyết tìm cầu sự giải thoát thì sự không cất giữ tiền bạc rất là hữu hiệu cho sự giải thoát.

Bởi vì chúng ta ai cũng đều biết giới cấm không cất giữ tiền bạc là giúp cho chúng ta ly dục ly ác pháp dễ dàng, có tiền thì tâm dục dễ sanh và rất khó thắng nó, vì có tiền nó đòi hỏi mua đủ thứ.

Chúng ta nhìn thấy các nhà sư, thầy vì cất giữ tiền bạc mà phạm giới luật này nên đời sống của họ như những người giàu có. Và cuối cùng những vị sư thầy này tu hành không giải thoát mà còn bị nô lệ cho tiền bạc, vật chất, danh và lợi thế gian.

Chúng tôi đứng trên mười giới đức Thánh Sa Di này mà nói ra, xin các bạn chỉ cần lưu ý là thấy rõ các nhà tu Đại thừa, tuy có 10 giới của Sa Di, mà các vị HT, TT, ĐĐ, Tăng, Ni chưa chắc họ đã giữ được trọn vẹn, hay nói cách khác dù chỉ là một, hai giới trong 10 giới cũng chưa chắc họ đã giữ được. Nhìn thấy lối sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới của họ mà chúng tôi thật sự đau lòng cho Phật giáo ngày nay. Phải không quý vị !?

Quý thầy theo kinh sách phát triển Đại thừa đã biến Phật giáo thành một cái nghề mê tín, để dễ lừa đảo người khác. Giới luật cấm tu sĩ còn đó: **“Một tu sĩ không nên cất giữ tiền bạc”**, thế mà họ có hàng tỷ tỷ bạc trong ngân hàng. Thật là hết chỗ nói, trên đời này, không ai giàu có hơn các thầy tu theo kinh sách phát triển.

Đạo Phật dạy: **“xả phú cầu bần”**. Còn bây giờ các thầy phát triển dạy: **“xả bần cầu phú”** để cho phù hợp với thời đại.

Nhìn qua 10 giới cấm này, ta nhận xét tu sĩ thời nay không còn mục đích tu giải thoát, chỉ còn tu danh tức là ăn học có cấp bằng cao, tu lợi tức là phải có tiền nhiều, có Phật tử đồng.

Người tu sĩ còn cất giữ tiền bạc là không đúng người tu sĩ của Phật giáo. Giới Đức Thánh Hạnh ly tham này đã xác định rõ ràng. Nếu một tu sĩ còn vi phạm 10 giới này thì đương nhiên con đường tu giải thoát đã không còn nữa.

Tóm lại, muốn tu giải thoát ra khỏi tam độc tham, sân, si thì phải giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh mà giới không cất giữ tiền bạc là một giới luật quan trọng nhất trong việc tu hành ly dục ly ác pháp, có giữ gìn và tu tập như vậy thì mới mong có ngày làm chủ sanh, già, bệnh, chết.

Giới luật Phật tuy khó giữ, nhưng với những người có chí lớn, có quyết tâm thì khó cũng thành dễ, họ sẽ cũng vượt qua và làm nên sự nghiệp vĩ đại của Phật giáo.

Giới Đức Thánh hạnh ly tham rất cần thiết cho những ai tha thiết tìm đường giải khổ, nếu ai giữ gìn nghiêm túc thì người ấy sẽ ly tham đoạn ác pháp, con đường cứu cánh sẽ viên thành mỹ mãn.

--o0o--

TỔNG QUÁT MƯỜI GIỚI ĐỨC SA DI

Mười Giới Đức Thánh Sa Di là mười đức hạnh giải thoát của một tu sĩ Phật giáo. Nếu tu sĩ nào nghiêm trì 10 giới này sẽ tìm thấy sự giải thoát ngay liền trong cuộc sống hiện tại, bởi vì nó là giới hạnh ly tham, đoạn ác pháp, diệt ngã xả tâm, khiến cho tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự; khiến cho oai nghi tế hạnh của một tu sĩ từ phàm phu mà trở thành oai nghi tế hạnh của bậc Thánh Hiền.

Giới Thánh Đức Hiếu Sinh thứ nhất ai đã thực hiện được thì lòng thương yêu rộng lớn không ngần ngại, lòng thương yêu rộng lớn ấy sẽ giúp cho người đó có được một tâm hồn không còn biết giận hờn, thù oán ghét ai v.v.. Thánh Đức Hiếu Sinh giúp cho tâm hồn người ấy thường thương yêu sự sống của muôn loài.

Cũng từ khi có tâm hồn biết thương yêu sự sống của muôn loài thì một sự giải thoát có trong tâm của người ấy rất rõ ràng, một trạng thái rỗng rang, an lạc lúc nào cũng ngự trị trong tâm của họ. Nhờ thế mà lòng tha thứ và yêu thương không làm khổ mình, khổ người, đối với tất cả chúng sanh không phân biệt thân sơ, luôn luôn thể hiện qua hành động thân, khẩu, ý của họ rất rõ nét thương yêu.

Chính nhờ lòng thương yêu ấy giúp chúng ta không phân biệt người thân, người sơ; chính lòng thương yêu ấy giúp ta chuyển hóa được tai nạn; bệnh tật khổ đau của chính mình; chính lòng thương yêu ấy giúp chúng ta hóa giải được những ác pháp đang vây quanh ta; chính lòng thương yêu ấy đã giúp chúng ta vượt lên tất cả các ác pháp và các nghiệp ác; chính lòng thương yêu ấy là giới cấm không sát sanh.

Thưa các bạn! Nếu trong thế gian này ai ai cũng thực hiện lòng thương yêu ấy, thì thế gian này là Thiên Đàng, Cực Lạc. Phải không các bạn?

Nếu chúng ta sống tròn đủ lòng yêu thương ấy mà không có đức buông xả thì lòng thương yêu ấy chưa đủ trọn vẹn (giới thứ hai không tham lam trộm cướp).

Thánh Đức Buông Xả giúp cho tâm chúng ta không còn muốn chiếm hữu một vật gì hay tiền bạc của ai, của không phải do mình làm ra, của không phải do bằng mồ hôi nước mắt của mình, của không phải bằng do công sức của mình, bằng thành quả lao động của mình thì nhất định không lấy.

Thánh Đức Buông Xả giúp cho tâm chúng ta không dính mắc vật chất thế gian, danh, lợi, hoặc còn nhiều thứ khác nữa.

Thánh Đức Hiếu Sinh cộng với Thánh Đức Buông Xả, tạo thành một tâm lực mạnh mẽ để đẩy lùi các ác pháp, khiến cho chúng ta tìm thấy được một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự như thật. Nhưng nếu muốn hai Thánh đức hạnh trên đây được giữ gìn trọn vẹn và lâu dài thì chúng ta phải giữ gìn và sống cho đúng Thánh Đức Hạnh Thanh Tịnh (Giới thứ ba không dâm dục).

Nếu Thánh Đức Thanh Tịnh không giữ gìn nghiêm túc thì tâm sắc dục của chúng ta không bao giờ chấm dứt được. Tâm sắc dục của chúng ta không chấm dứt được thì nó là một chướng ngại pháp rất lớn trong thân tâm, vì thế mà tâm không sao an ổn được. Cho nên muốn Thánh Đức Hiếu Sinh và Thánh Đức Buông Xả tròn đủ thì Thánh Đức Thanh Tịnh cần phải tu tập và sống cho đúng cách, có nghĩa là chúng ta phải sáng suốt quán xét nhân quả, 12 nhân duyên, thân ngũ uẩn, quán tưởng xương trắng, quán tưởng thân bất tịnh, tu tập 19 Định Niệm Hơi Thở và tu tập Thân Hành Niệm; nhờ có quán tưởng và tu tập như vậy thì giới luật này mới mong giữ gìn trọn vẹn.

Ba đức hiếu sinh, buông xả và thanh tịnh chưa đủ để chúng ta đẩy lùi các chướng ngại pháp trên thân, thọ, tâm và các pháp, vì thế chúng ta phải tiếp tục thực hiện cho bằng được Thánh Đức Chân Thật. Thánh Đức Chân Thật rất khó giữ gìn, người có gan dạ có nghị lực thì mới không nói vọng ngữ (giới thứ tư không nói vọng ngữ).

Một vị Thánh Tăng, Thánh Ni mà thiếu lòng chân thật, hay nói vọng ngữ thì đâu còn giá trị của một vị Thánh. Phải không các bạn?

Thánh Đức Chân Thật, nếu một vị tu sĩ không giữ gìn trọn vẹn mà nói vọng ngữ, nói sai, nói không thật hay thuyết giảng thiếu kinh nghiệm khiến người tu tập không kết quả giải thoát thì vẫn bị mất uy tín, mất lòng tin của mọi người.

Bốn Thánh Đức trên đây đã giữ trọn thì Thánh Đức Minh Mẫn cũng cần phải nghiêm khắc giữ gìn. Một vị Thánh Tăng mà rượu chè say sưa, đi ngã tới, ngã lui thì đâu còn là một vị Thánh Tăng. Giá trị sáng suốt minh mẫn của một vị Thánh Tăng bảo đảm rằng: họ không cầm một ly rượu uống hay một liều thuốc lá hút (giới thứ năm cấm không uống rượu).

Một vị Thánh Tăng còn ăn thịt chúng sanh và uống rượu như Tể Điền Tăng Hoà Thượng và Tuệ Trung Thượng Sĩ thì còn nghĩa lý gì là một Thánh Tăng. Giới Thánh Đức Hiếu Sinh và Giới Thánh Đức Minh Mẫn đã xác định những vị Tăng này không phải Thánh mà là Ma Ba Tuần trong Phật giáo đội lốt Phật giáo để phá hoại Phật giáo, khiến cho tu sĩ đời sau bắt chước mà đánh mất Thánh hạnh của Phật giáo.

Những Thánh Đức trên đây đã xác định rõ ràng: ***“Một vị Thánh Tăng là phải sống với oai nghi tế hạnh như thế nào mới được gọi là Thánh, chứ không phải chỉ có vài ba thần thông tưởng mà gọi là Thánh được”***. Một tu sĩ gọi là Thánh Tăng mà không minh mẫn còn đắm chìm trong men rượu, còn bùng ly rượu uống thì hành động như vậy làm sao gọi là Thánh Tăng được. Phải Không quý vị?

Oai nghi tế hạnh của năm Thánh Đức trên chưa tròn đủ, thì không được xem đó là một vị Thánh Tăng của Phật giáo, mà chỉ được xem đó là một tà sư ngoại đạo, dù vị tu sĩ đó có đủ thần thông pháp thuật. Thần thông pháp thuật chỉ là một phương tiện dùng để lừa đảo người, chứ chẳng có ích lợi gì cho ai cả.

Năm giới Thánh Đức trên tuy sống trọn vẹn, nhưng lại không giữ trọn Thánh Đức tự nhiên, còn trang điểm làm dáng, làm đẹp, còn đeo chuỗi hạt, còn mặc y áo sang đẹp, v.v.. lúc nào cũng tỏ ra bề vệ trong bộ áo cà sa giống như một vị tướng soái, một quan quyền của vua chúa, v.v.. (giới thứ sáu cấm không trang điểm).

Cách thức ăn mặc trang điểm làm dáng sang đẹp, bề vệ oai phong như một tướng lãnh, tất cả những oai nghi tế hạnh đó không đúng là oai nghi tế hạnh của một vị Thánh Tăng.

Một vị Thánh Tăng mà còn trang điểm làm đẹp thì chưa phải là một vị Thánh Tăng đúng nghĩa của đạo Phật.

Một vị Thánh Tăng còn làm dáng, làm đẹp thì đã đánh mất ý nghĩa cao quý Thánh Hạnh của một bậc Thánh.

Ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp là thuộc về chấp tướng của Bà La Môn Giáo, chứ đạo Phật không chấp nhận điều này. Chúng ta hãy đọc lại kinh Sonadanda trong kinh Trường Bộ thuộc Tạng kinh Việt Nam thì sẽ thấy đức Phật bác bỏ tướng tốt và các vẻ đẹp của một Bà La Môn.

Người tu sĩ còn trang điểm sửa sang làm đẹp thì đạo Phật xem đó là tà sư ngoại đạo không đúng tư cách của một tu sĩ Phật giáo.

Đức Phật chấp nhận các đặc tướng tự nhiên của mỗi con người, khi tu tập theo pháp của Ngài thì không được ức chế làm sai các đặc tướng đó. Vì các đặc tướng đó hiện có nơi mỗi người là do nghiệp nhân quả của nhiều đời trước, cho nên tùy theo đặc tướng mà nhiếp phục tâm mình để ly tham dục và đoạn diệt các ác pháp, khiến cho tâm thanh tịnh hoàn toàn không còn ô nhiễm sáu trần. Nhờ tâm không ô nhiễm sáu trần nên bảy giác chi xuất hiện, nhờ có đủ bảy giác chi mà chúng ta sử dụng nhập bốn định và thực hiện Tam Minh. Mục đích tu hành là như vậy, chứ không phải cần ở chỗ tướng tốt đẹp trai, đẹp gái.

Trang điểm làm đẹp để có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp mới tu chứng quả thì không đúng quý bạn ạ! Trong hàng đệ tử của Phật, ông A Nan là người có tướng tốt đẹp trai, nhưng lúc Phật còn sống ông tu hành có chứng đắc đâu? Ông thường bị người khác phái quấy nhiễu, khiến con đường tu hành của ông tiến rất chậm chạp, mặc dù ông rất thông minh nhớ dai.

Thân này bất tịnh do bốn đại duyên hợp lại mà thành ra thân người, nên rất là uế trược, hôi thối có gì mà quý, mà đẹp. Theo truyền thuyết của Đại thừa thân Phật có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp nhưng khi Đức Phật chết người ta đem đốt còn một nắm tro tàn và một số xương vụn cháy chưa hết, gọi là xá lợi, rất là bất tịnh. Khi đốt cháy tiêu ra tro bụi thì còn có gì 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp nữa không? Màu da vàng ánh như hoàng kim của Phật còn có nữa không?

Bởi vậy trong 10 giới cấm của thầy Sa Di giới thứ sáu cấm thầy Sa Di không được trang điểm làm đẹp làm dáng, vì làm đẹp làm dáng có mục đích nuôi dưỡng tâm sắc dục. Tâm sắc dục là tâm dẫn đầu vào con đường sanh tử luân hồi, người dứt tâm sắc dục là người chấm dứt con đường sanh tử luân hồi. Nếu không chấm dứt tâm sắc dục thì thân tâm khó mà thanh tịnh, thân tâm không thanh tịnh thì khó mà nhập các loại thiền định và khó mà thực hiện Tam minh được. Cho nên quý thầy trang điểm y áo sang đẹp chuối cổ, chuối tay đi đứng bệ vệ có người hầu, kẻ hạ, đó là quý thầy đã nuôi tâm sắc dục khiến cho người khác phái đam mê ham thích gần gũi để tạo duyên sanh ra tình dục. Đức Phật đã hiểu điều này nên Ngài đã nói: ***“Ta không thấy một sắc nào cấm dỗ và xâm chiếm tâm người Nam bằng sắc của người nữ, ngược lại cũng như***

vậy... ”.

Cho nên trang điểm làm đẹp là có ý làm cho người khác phải để ý đến mình. Để ý để làm gì? Để nuôi lớn tâm sắc dục tức là tạo thành con đường sanh tử luân hồi mãi mãi không bao giờ dứt.

Người tu sĩ Phật giáo vì sự nghiệp giải thoát ra khỏi vòng sanh tử luân hồi nên phải chấm dứt tâm sắc dục. Người nào tu hành mà còn trang điểm làm đẹp, làm dáng thì nên trả y áo lại cho nhà chùa để trở về thế tục sống như người cư sĩ còn quý hơn và còn không mắc nợ của đàn na thí chủ.

Chỉ có giới này sẽ xác định cho quý vị biết căn cơ tu hành của quý vị có tu tới nơi tới chốn hay không, quý vị tự biết mình rõ hơn ai hết.

Sáu giới Thánh Đức trên đây chưa đủ để chấp nhận một vị Thánh Tăng, Thánh Ni đệ tử của Phật. Nếu quý vị sống chưa đủ trọn vẹn Thánh Đức Hạnh trầm lặng độc cư. Thường lấy kinh tụng niệm theo nhịp mõ, tiếng trống làm công phu tu hành của mình, thì chúng tôi e rằng công phu như vậy chẳng có kết quả gì gọi là ra khỏi nhà sanh tử luân hồi. Bởi vì, tụng niệm ê, a giọng cao, giọng thấp theo tiếng chuông tiếng mõ thì cũng giống như ca hát, cho nên có một nhạc sĩ danh tiếng ở nước ta nghiên cứu và cho rằng đó là ca nhạc Phật giáo. Đúng vậy chúng tôi từng nghe những thầy ứng phú đạo tràng tụng niệm giống như ca hát bộ, cải lương theo tiếng đàn, tiếng phách, kèn, trống, sáo, tiêu, v.v.. Cho nên nghi thức tụng niệm trong các chùa hiện giờ là đi ngược lại Phật giáo, phạm vào giới cấm không ca hát hoặc nghe ca hát của đạo Phật (giới thứ bảy cấm không nghe ca hát hoặc tự ca hát).

Bởi vì tụng niệm hay ca hát là làm mất sự yên lặng trong không gian của những bậc Thánh Tăng đang sống. Khi một tu sĩ tụng niệm hay ca hát thì Thánh Đức Trầm Lặng sẽ mất đi. Thánh Đức Trầm Lặng mất đi thì đời sống của một tu sĩ giải thoát không còn ý nghĩa. Cho nên giới cấm không ca hát hay nghe ca hát là muốn bảo vệ Thánh Hạnh Độc Cư để thực hiện cho bằng được sự giải thoát sanh tử luân hồi. Một vị Thánh Tăng phải sống trong Thánh hạnh độc cư trầm lặng thì mới đầy đủ ý nghĩa của một bậc Thánh. Một bậc Thánh Tăng không thể nào dùng tứ thời công phu của quốc sư Ngọc Lâm tụng niệm ê, a giọng cao giọng thấp theo tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng trống, tiếng kèn, tiếng đàn như ca hát được. Sống tụng niệm như vậy có khác nào là đào kép hát bộ, hát cải lương, có khác nào như những ca sĩ trên sân khấu.

Một vị Thánh Tăng mà chuyên tán tụng niệm tứ thời công phu theo kiểu Đại Thừa giáo thì không còn ý nghĩa Thánh đức trầm lặng độc cư nữa. Và như vậy chỉ là một nhà sư tụng niệm chứ không phải là bậc chân tu cầu giải thoát. Hình

thức tụng niệm chỉ là một Bà La Môn hành nghề mê tín kiếm sống như bao nhiêu nghề khác của thế gian.

Một người tu sĩ Phật giáo mà không sống trầm lặng độc cư được thì rất khó cho vị ấy muốn giữ gìn tâm không phóng dật. Và con đường tu tập chứng quả A La Hán không còn nữa. Bởi vậy một vị tu sĩ phải thấy Thánh đức trầm lặng độc cư là một hành động mang đến một đời sống Thánh thiện. Đời sống Thánh thiện độc cư trầm lặng là một bí quyết để thành tựu thiền định và Tam Minh. Nếu ai tu hành mà sống không đúng Thánh đức này thì sự tu hành hoài công vô ích, dù có tu suốt bao nhiêu đời cũng không nhập định được và cũng không thể thực hiện Tam Minh được.

Cho nên Thánh Đức Trầm Lặng Độc Cư là một thánh hạnh quan trọng nhất cho một người tu sĩ tìm tu giải thoát.

Sống với Thánh Đức Trầm Lặng Độc Cư như vậy còn chưa đủ mà còn phải sống đúng Thánh Hạnh Thiểu Dục.

Một vị Thánh Tăng mà còn nằm giường cao rộng lớn, gỗ quý sang đẹp thì mất hết ý nghĩa giải thoát của vị Thánh Tăng. Người tu sĩ còn nằm giường cao rộng lớn là người sống không thiểu dục tri túc, không đúng hạnh của người tu sĩ Phật giáo (giới thứ tám cấm nằm giường cao rộng lớn).

Đức Thiểu Dục Tri Túc rất cần thiết để lập thành Thánh hạnh của một bậc Thánh Tăng, của một du Tăng khát sĩ.

Phật dạy: **“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không nhà cửa, không gia đình, ba y một bát, tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không”**. Qua lời dạy này chúng ta xét thấy: **“Một đời sống Thánh thiện là phải thiểu dục tri túc tận cùng như vậy, mới được gọi là bậc Thánh giải thoát, còn sống ngược lại thì không giải thoát”**. Như vậy chúng ta xét thấy các nhà tu Đại thừa có chùa to Phật lớn, có vật chất thế gian đầy đủ, tu như vậy có lập hạnh thiểu dục tri túc chưa? Tu như vậy có giải thoát chưa?

Xin các bạn nên lưu ý. Người tu sĩ Phật giáo thiểu dục tri túc, thường lấy gốc cây làm giường nằm, lấy tay làm gối, lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu, có sống như vậy mới xứng đáng là bậc Thánh Tăng, Thánh Ni trong đạo Phật.

Tám Thánh đức trên đây chưa đủ cho một vị Thánh Tăng, Thánh Ni đệ tử của Phật, mà còn phải sống cho trọn với Thánh đức ly dục.

Một vị Thánh Tăng, Thánh Ni mà còn ăn uống nhiều bữa như: sáng ăn, trưa ăn, chiều ăn, có khi tối còn ăn thêm thì còn nghĩa lý gì gọi là Thánh Tăng, Thánh Ni

ly dục. Một vị Thánh Tăng, Thánh Ni thường sống ly dục, nên ngày chỉ ăn có một bữa cơm, đủ để nuôi sống thân tứ đại, và luôn luôn tích cực làm lợi ích cho chúng sanh bằng gương Thánh hạnh, bằng những lời dạy đạo đức chân tình, bằng những lời khuyên nhủ an ủi thiết tha để giúp cho mọi người thoát ra hoàn cảnh khổ đau, như vậy, ngày một bữa cơm mới thật sự xứng đáng thọ dụng của đàn na tín thí, còn ngược lại ăn nhiều quá, ba bốn bữa trong ngày thì không xứng đáng thọ dụng. Tu sĩ mà ăn nhiều bữa là mang nợ của đàn na thí chủ, kiếp này trả chưa xong thì kiếp khác phải trả nữa, trả mãi mãi... (giới thư chín cấm không ăn uống phi thời).

Thân tứ đại là khối bất tịnh, hôi thối, uế trược có gì là tốt đẹp, quý báu đâu mà ta phải xem nó là quan trọng. Hằng ngày nó phải luôn luôn tiếp nhận tứ đại bất tịnh bên ngoài (thực phẩm). Nuốt vào những thứ bất tịnh hôi thối ấy, có hạnh phúc gì đâu mà chúng ta ưa thích. Những người ưa thích thực phẩm, ưa thích ăn uống là những người ngu si, vô minh; đồ ăn uống là bất tịnh uế trược mà cứ mãi mê tham ăn thì thật là đáng trách đáng chê. Cuộc sống của họ chẳng có ý nghĩa gì, chỉ ăn, ngủ, đi cầu và dâm dục, toàn là sống trong sự nhiễm ô bất tịnh. Đời sống của họ, họ đang chui vào một cái bao đựng đầy đồ hôi thối. Thật là đáng thương vậy!

Cuộc sống con người chỉ còn biết bon chen chà đạp, tranh đấu giết hại lẫn nhau bằng cách này hoặc cách khác cũng chỉ vì ăn, ngủ, đi cầu và dâm dục... Thật là vô vị không có nghĩa lý gì cả.

Sống chỉ có thích những điều tệ hại, bất tịnh như vậy, mà mọi người hãnh diện một cách hả hê khi đạt được mục đích ấy. Đạt được mục đích để làm gì? Để mà khổ đau. Phải không các bạn?

Thánh Đức Ly Dục giúp cho chúng ta sống trong cuộc đời đầy đau khổ mà thoát ra đau khổ, giúp cho chúng ta liễu sanh thoát tử, giúp cho chúng ta làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Vì thế ăn ngày một bữa là (chúng ta ly dục, ly si, ly sân và lìa sắc dục một cách rõ ràng và cụ thể.

Người sống ngày ăn một bữa thì ít ham ngủ nghỉ, thường tỉnh thức, về thân thì sắc dục cũng giảm bớt, về tâm thì sân hận cũng lui bước v.v..

Thánh đức ăn ngày một bữa đã giúp cho tâm hồn chúng ta thanh thản trong cái ăn, cái ngủ, cái sắc dục, cái giận hờn và tất cả bệnh tật trong thân cũng được giảm xuống một cách rõ ràng, chứ không như các nhà Đại thừa tham dục ăn uống ngày ba bốn bữa, nên thường lý luận ăn nhiều sẽ có sức khỏe để tu tập, còn ăn ít ngày một bữa là ép xác tu hành không chứng đạo. Lối lý luận này là phi Phật giáo. Tại vì Thầy trò của đức Phật ngày xưa đều ăn ngày chỉ có một

bữa mà chúng đạo.

Thời nay mọi người vì không hiểu biết Thánh Hạnh Ly Dục, nên lý luận theo kiểu tà giáo ngoài đạo tham ăn, tham uống, tham ngủ, tham dục lạc thế gian, tham giàu sang danh tiếng, nên quý thầy theo kinh sách phát triển thường sống bệnh tật khổ đau, đi bác sĩ, nằm nhà thương và thuốc thang uống không bao giờ dứt.

Nếu muốn biết rõ một vị Thánh Tăng đệ tử của đức Phật thì hãy xem đời sống của họ. Họ sống đúng mười Giới Đức Thánh Sa Di, không hề vi phạm, nhất là ngày ăn một bữa chỉ để nuôi thân. Chính lối sống như vậy tâm họ mới ly dục. Nhờ tâm ly dục nên oai nghi tế hạnh của họ thể hiện rõ ràng qua mọi hành động sống mà ai cũng dễ nhận thấy, đó là sống đúng Thánh hạnh của một tu sĩ giải thoát. Do Thánh hạnh này mà không có một người nào dám khinh chê nhạo báng Phật giáo.

Hiện giờ Phật giáo bị mọi người khinh chê, phỉ báng là do những tu sĩ Bà La Môn mượn danh Phật giáo, phá mười Giới Đức Thánh Sa Di không còn một giới nào là không phạm, họ sống không hiếu sinh, không buông xả, thân tâm không thanh tịnh, không chân thật, không minh mẫn, không thiếu dục, không đơn giản, không sống trầm lặng độc cư, không ly dục, không ly tham. Do không sống đúng đời sống của một tu sĩ Phật giáo nên họ đánh mất Thánh hạnh khiến cho mọi người khinh chê, phỉ báng và xem thường Phật giáo. Trước mặt thì họ chấp tay xá lạy, làm ra vẻ kính trọng, nhưng sau lưng họ xem quý thầy chẳng ra gì. Họ gọi quý thầy bằng thằng thầy chùa này, bằng thằng thầy chùa kia, quý Thầy có biết không?

Chín Giới Đức Thánh trên đây chưa đủ để xác định là một vị Thánh Sa Di, nếu một tu sĩ giữ gìn trọn vẹn chín giới trên đây mà giới thứ mười không tròn đủ người tu sĩ này còn cất giữ tiền bạc của báu. Còn cất giữ tiền bạc của báu là chưa sống một đời sống ba y một bát của một vị Thánh Sa Di. Nếu đời sống của một vị Thánh Tăng chưa ly tham, còn cất giữ tiền bạc, chưa có lần nào mặc chiếc y phẩn tảo (vải bỏ thô xấu) thì chưa xứng đáng là một vị Thánh Tăng (giới thứ mười cấm cất giữ tiền bạc châu báu).

Nếu đời sống của một vị Thánh Tăng mà sống không ly tham, không thiếu dục tri túc, còn cất giữ tiền bạc thì làm sao tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không được.

Cho nên giới thứ mười Phật dạy: ***“người tu sĩ không được cất giữ tiền bạc của báu”***. Không cất giữ tiền bạc của báu là Thánh hạnh ly tham. Người tu sĩ sống được như vậy mới được gọi là Trưởng Lão Thánh Tăng, Thánh Ni.

Một bậc Thánh Tăng, Thánh Ni đã ra khỏi cuộc đời đầy ô trược và các ác pháp thì không còn bị nô lệ cho tiền bạc, không còn bị nô lệ cho tiền bạc mà còn cất giữ tiền bạc, thì làm sao ra khỏi cuộc đời đầy ô trược và ác pháp. Bởi vì còn cất giữ tiền bạc là còn bị tiền bạc chi phối tâm hồn. Người còn bị tiền bạc chi phối tâm hồn thì người ấy chưa phải là Thánh Tăng, Thánh Ni. Cho nên những người mới tu tập mà cất giữ tiền bạc thì tâm hồn còn bị chi phối bởi tiền bạc thì thử hỏi làm sao tránh khỏi tâm không phóng dật, phóng niệm.

Thánh Hạnh Ly Tham mà không giữ trọn vẹn thì đi tu cho mất công, chỉ mất thời gian vô ích chứ có ích lợi gì cho bản thân.

Muốn đạt được thiền định và Tam Minh mà tâm còn phóng dật, phóng niệm thì làm sao đạt được thiền định, Tam Minh.

Còn cất giữ tiền bạc thì tâm làm sao ly dục được, vì tiền bạc là một ác pháp, là một chướng ngại pháp rất lớn cho con đường tu tập giải thoát của Phật giáo.

Tâm không phóng dật, phóng niệm thì tâm sẽ nhu nhuyễn dễ sử dụng, tâm có nhu nhuyễn dễ sử dụng thì mới đạt được chỗ rốt ráo thâm sâu của đạo Phật.

Xưa đức Phật đã chẳng bảo: ***“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”***.

Bây giờ quý vị Tăng, Ni cứ khư khư cất giữ tiền bạc như các nhà sư Đại thừa, thì làm sao tâm quý vị không phóng dật. Tâm phóng dật thì dù quý vị có tu trăm muôn ngàn kiếp cũng chỉ uống công mà thôi.

Đối với đạo Phật người tu sĩ còn cất giữ tiền bạc là chưa xứng đáng làm Thầy ai cả. Vì Thánh hạnh ly tham chưa tròn đủ thì người tu sĩ này cũng chỉ là một người tầm thường như bao nhiêu người khác. Ngoài chiếc áo cà sa, với chiếc đầu cạo trọc, hiểu biết lặp lại những tưởng giải của người xưa tức là bã mía của một số kinh sách phát triển Đại thừa và những bài kinh nghi thức tụng niệm của Ngọc Lâm quốc sư trong thời đại triều nhà Thanh bên Trung Quốc, chứ tâm họ cũng chỉ là tâm tham, sân, si như bao nhiêu người khác. Họ không có những kinh nghiệm tu tập giải thoát để truyền đạt lại cho chúng ta. Vì thế họ đâu xứng đáng làm thầy.

Kính thưa quý vị! Khi chưa ra khỏi nhà sanh tử tức là tâm quý vị chưa ly tham đoạn ác pháp thì quý vị còn ham thích tiền bạc.

Nếu muốn xa lìa tâm tham thì quý vị phải giữ gìn giới không cất giữ tiền bạc cho nghiêm túc. Tại sao các thầy tu theo kinh sách phát triển không ly tâm tham được?

Tại vì quý thầy còn cất giữ tiền bạc. Cất giữ tiền thì tâm tham làm sao quý thầy là được. Vì thế các Tổ dựa vào giới kinh của Phật mà chế ra giới cấm này là để giúp cho quý thầy ly tham đoạn ác pháp.

Một vị được gọi là Thánh Tăng, Thánh Ni mà còn cất giữ tiền bạc thì làm sao gọi là Thánh được. Phải không các bạn?

Thánh mà còn cất giữ tiền bạc thì đó là Thánh **“dorm”**, chỉ là một phàm phu tục tử còn ham thích sống trong cuộc đời này, cuộc đời đầy ô trược và ác pháp. Còn cất giữ tiền bạc là quý vị chưa muốn ra khỏi biển đời bất tịnh, ô trược nhiều cay đắng và khổ đau. Hầu hết các nhà Đại thừa vẫn còn ham thích lặn hụp trong biển trần tục, nên tiền bạc, chùa to Phật lớn họ chưa buông bỏ được.

Tóm lại, Mười Giới Đức Thánh Sa Di mà một người tu sĩ Phật giáo cũng như người cư sĩ muốn tìm tu giải thoát ra khỏi nhà sanh tử luân hồi thì phải giữ gìn trọn vẹn những Thánh hạnh này.

Dù tu sĩ hay cư sĩ mà đã giữ trọn vẹn 10 giới cấm này, sống đúng 10 thánh hạnh thì chúng tôi bảo đảm con đường giải thoát sẽ không còn xa nữa, chắc chắn họ sẽ đạt được kết quả làm chủ thân tâm như ý muốn.

Mười Giới Đức Thánh Sa Di này, nếu ai sống nghiêm chỉnh không hề vi phạm trước mặt cũng như sau lưng thì những tu sĩ này là những bậc Thánh Tăng, Thánh Ni tại thế gian mà không còn phải tu tập gì nữa cả. Còn những ai là tu sĩ mà sống không đúng mười giới Thánh Đức này thì chỉ là một loài Ma Ba Tuần trong Phật giáo.

Chỉ có mười giới này mà thôi, quý vị cư sĩ sẽ nương vào đó mà chọn cho mình một vị Thầy gương mẫu Thánh hạnh, một vị Thánh Tăng, Thánh Ni xứng đáng để cho quý vị cung kính cúng dường và tôn trọng, để cho quý vị lấy đó làm gương hạnh buông xả nơi tâm mình, để cho quý vị noi theo gương hạnh đó, thì ngay đó quý vị sẽ tìm ra một lộ trình cứu cánh chân chánh cho chính mình.

Chỉ có mười giới này mà thôi, quý vị sẽ nương vào đó mà không còn sợ lầm đường, lạc lối, không còn sợ tu sai lạc vào tà giáo ngoại đạo, lạc vào cảnh giới tưởng, thiền tưởng v.v..

Chỉ có 10 giới này mà thôi, quý vị sẽ nương vào đó mà nhận xét ai là Thánh Tăng, Thánh Ni và ai là Ma Vương đội lốt Phật giáo để lừa gạt tín đồ.

Chỉ có mười giới này mà thôi, Phật giáo sẽ hưng thịnh hay suy tàn, quý vị đều nhận thấy rất rõ ràng, không còn bị ai lừa dối được.

Những lời chúng tôi nói trên đây có những điều chi sơ sót mong quý vị cảm thông. **Vì ước muốn của chúng tôi là tu sĩ Phật giáo phải ra tu sĩ Phật giáo**, đời thì phải cho ra đời, đạo thì phải cho ra đạo, đừng để đạo đời lẫn lộn mà nguy hại đến thanh danh của Phật giáo.

--oOo--

HẾT PHẦN I

PHẦN HAI - VĂN HÓA 25 GIỚI HÀNH SA DI

LỜI NÓI ĐẦU

Khi biên soạn Mười Giới Đức Thánh Sa Di tập I, chúng tôi dựa theo bộ Giới Bốn Patimoka (Ba La Đề Mộc Xoa) thuộc Hán tạng. Đọc lại toàn bộ sách này chúng tôi cảm thấy việc biên soạn Giới Đức Thánh Sa Di có phần thiếu sót rất lớn về oai nghi tế hạnh của một tu sĩ Phật giáo, nhưng không phải là sự thiếu sót 24 oai nghi tế hạnh do các Tổ đã biên soạn lưu hành trong các chùa. Bộ giới luật Sa Di chỉ có giới cấm mà thiếu sót Giới Đức, Giới hạnh, Giới Hành, khiến cho người đọc giới không biết pháp hành và sống như thế nào để sống được đời sống Phạm hạnh mà không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào trong giới bốn. Cho nên, bộ giới luật phần đầu này chúng tôi biên soạn chỉ nói lên được phần giới Đức Thánh thuộc tiểu giới của giới tướng, còn phần giới hạnh và giới hành đại giới tướng thì chưa có, cho nên chúng tôi muốn bổ sung thêm cho Mười Giới Đức Thánh Sa Di này được đầy đủ hơn, vì thế chúng tôi phải dựa theo lịch sử Phật giáo trong Giới Kinh mà biên soạn. Vậy giới kinh của Thầy Sa Di mà đức Phật đã dạy là những bài kinh nào?

Như các bạn đã biết trong lịch sử Phật giáo Thầy Sa Di đầu tiên trong Đạo Phật là Thầy Sa Di La Hầu La. La Hầu La là đứa con trai độc nhất của đức Phật, được đức Phật chấp nhận cho xuất gia vào lúc còn bé thơ mới 10 tuổi.

Trong Kinh Trung Bộ, tập 2 và tập 3 thuộc tạng kinh Việt Nam, có ba bài kinh dạy về giới hành cho những người còn trẻ tuổi mới vào tu tập. Đó là những bài kinh đức Phật đã dạy giới luật về giới đức, giới hạnh và giới hành cho La Hầu La. Những bài kinh đó có tên là kinh Giáo Giới La Hầu La ở rừng Am - Bà - La (Ambalatthika Rahulavadasuttam), Tiểu Kinh Giáo Giới La Hầu La và Đại Kinh Giáo Giới La Hầu La.

Ba bài kinh này chúng tôi triển khai biên soạn thành một bộ Giới Hạnh và Giới Hành Đức Thánh Sa Di phần II sẽ mang lại đầy đủ những oai nghi chánh hạnh

trong Giới Hành của một Thầy Sa Di đúng nghĩa của đạo Phật, từ phàm phu trở thành một bậc Thánh A La Hán vô lậu hoàn toàn.

Việc làm này có mục đích hẳn hoi là chấn chỉnh lại bộ luật Sa Di mà từ xưa đến nay trong các chùa đều lấy đó làm sách gối đầu nằm cho các vị mới xuất gia tu học.

Kính thưa các bậc tôn túc đức cao, trí rộng! Nếu trong bộ giới luật này còn có những điều chi sơ sót, xin các bậc Tôn Túc vui lòng chỉ dạy cho. Chúng tôi thành thật muôn vàn biết ơn khi nhận được những cao kiến để kỳ tái bản tới sẽ có sự bổ sung thêm cho bộ sách được hoàn chỉnh hơn.

“Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, một mình không thể làm nên việc lớn cho muôn người, làm lợi ích chung cho Phật giáo, mà cần phải có nhiều người chung lưng đấu cật cùng làm. Vì muốn đem lại lợi ích cho những người tu theo Phật giáo có tâm huyết, có ý chí quyết tìm đường giải thoát ra khỏi bốn sự đau khổ của kiếp người: sanh, già, bệnh, chết, cho nên chúng tôi không nệ tài hèn trí mọn biên soạn bộ sách này, khởi đầu làm tiếng chuông cảnh tỉnh, nên không thể tránh khỏi những sự thiếu khuyết, kính mong quý vị lượng thứ cho.

Kính ghi,

Trưởng lão Thích Thông Lạc

TIỂU SỬ LA HẦU LA

LỜI GIỚI THIỆU LỊCH SỬ SA DI ĐẦU TIÊN TRONG ĐẠO PHẬT

Muốn tìm hiểu về Giới Luật, Giới Đức, Giới Hạnh và Giới Hành của người mới vào tu tập theo Phật giáo, mà trong giới tín đồ đạo Phật thường gọi là Thầy Sa Di. Vậy Giới luật, Giới đức, Giới hạnh và Giới hành của Thầy Sa Di như thế nào? Những bài kinh nào dạy về giới đức, giới hạnh và giới hành đó và ở đâu?

Muốn tìm hiểu được những điều này xin các bạn vui lòng đi ngược lại dòng lịch sử cách đây 2555 năm để nghiên cứu một Thầy Sa Di trong những thầy Sa Di đầu tiên trong Phật giáo. Đó là Thầy Sa Di La Hầu La.

--o0o--

LA HẦU LA

MẬT HẠNH ĐỆ NHẤT

CẬU BÉ HẠNH PHÚC

Đức Phật của chúng ta, khi còn là Thái Tử của Vương Thành Ca Tỳ La, đã kết hôn với Công Chúa Da Du Đà La thành Câu Lợi. Vào năm Thái Tử và Công Chúa 19 tuổi thì sanh hạ La Hầu La. Thái Tử rất vui mừng, nhưng không phải sự vui mừng như tình thương người đời khi sinh con, mà vì Thái Tử nhiều lần xin vua cha đi xuất gia đều không được chấp thuận. Vua Tịnh Phạn có nói: *“Trừ khi nào có được đứa cháu đích tôn thì mới cho phép Thái Tử xuất gia”*). Hiện tại Thái Tử có La Hầu La như ý Phụ Vương, nguyện vọng xuất gia sẽ đạt được, bảo sao Thái Tử không vui mừng.

Trong đêm Thái Tử sắp rời hoàng cung, vào ngày mùng 8 tháng 2, lúc ấy La Hầu La mới sinh được 7 ngày. Vương Phi Da Du Đà La đang ôm La Hầu La trong tay và nằm ngủ. Thái Tử vén rèm nhìn hai người lần cuối, và quay lưng, leo lên lưng ngựa, vượt thành ra đi. Từ đó La Hầu La đã mất bóng người cha thân yêu của thế gian.

Nhưng Thái Tử xuất gia tu hành thành Phật, từ một Thân phụ đổi thành Thân sư, về sau độ La Hầu La thành chánh quả, đó mới thật sự người cha đệ nhất của thiên hạ.

La Hầu La mất cha, được mẹ và ông nội thương yêu, là vương tôn độc nhất vô nhị. Chuỗi ngày vô tư lự trôi qua trong cung điện, đến khi vừa hiểu biết, trong tâm hồn trẻ thơ của La Hầu La cũng cảm thấy không có cha là một điều đáng buồn. Nhưng bù lại, cậu bé được mẫu thân rất cưng chiều, đó là niềm vui duy nhất của La Hầu La, là nguồn an ủi, là người che chở cho cậu. Trong thâm cung vắng vẻ, La Hầu La cũng là nguồn hy vọng của Vương Phi, hai mẹ con nương nhau cùng sống qua năm tháng.

Có người nói Da Du Đà La phận nữ nhi khổ mệnh, La Hầu La là đứa bé bất hạnh đáng thương, nhưng đó là nói theo thường tình thế gian. Nỗi khổ tâm, đáng thương của họ chỉ trong thời gian ngắn. Hễ có hy sinh lớn tất thành tựu kết quả lớn. Về sau, nhờ sự hóa độ của đức Phật, Da Du Đà La và La Hầu La đều xuất gia tu hành được chứng quả A La Hán. Đó mới là bậc nữ lưu vinh hạnh nhất, và đứa bé hạnh phúc nhất.

Trước giờ cáo biệt, Thái Tử cũng định bế đứa con đang ngủ một tí, nhưng sợ làm động Da Du Đà La thức dậy, lại cản trở việc xuất gia, nên khi nhìn con lần cuối, Ngài đã nói: *“Hãy đợi đến khi Ta thành Phật, sẽ trở lại thăm con”*. Đức Phật xem tất cả chúng sanh như La Hầu La, một La Hầu La không quan trọng bằng vô số

La Hầu La đang trông đợi tình thương của Phật. Đức Phật đã ban cho chúng sanh bao nhiêu lòng thương rộng lớn, thì ở trong hoàn cảnh của La Hầu La, lại càng dễ được hưởng lòng từ bi của Phật. Cho nên chúng ta đừng cho rằng sự việc La Hầu La mất phụ thân từ nhỏ là bất hạnh đáng thương. La Hầu La, con của bậc đại Thánh, được nuôi dưỡng trong tình thương cao rộng như trời đất, là một cậu bé hạnh phúc nhất đời.

CẬU BÉ KHÔNG BIẾT MẶT CHA

Đức Thế Tôn thành đạo được ba năm, từ nước Ma Kiệt Đà phương Nam về thăm cố hương. Trên từ vua Tịnh Phạn, dưới đến nhân dân dòng họ Thích, đều ra ngoài thành nghênh đón Phật, chỉ có Da Du Đà La và La Hầu La không tham dự trong đoàn người ấy.

Trong tâm bà Da Du nghĩ thầm: *“Khi Ngài đi xuất gia, ta đã vì Ngài chịu hết mọi nỗi khổ, Ngài mặc y phục bạc màu, ta ở trong cung cũng mặc giống Ngài, ta nghe Ngài tu khổ hạnh ăn ngày một bữa, ta cũng tập làm theo. Ta đối với Ngài như vậy, thật hết lòng, nếu Ngài còn nghĩ đến ta, tự nhiên sẽ đến cung thăm ta”*.

Mười năm không gặp Phật, lòng Da Du Đà La cũng như mọi người đều muốn diện kiến Ngài nhưng vì lễ phép, vì tự tôn, bà phải nhẫn nại. Bà ngồi trên lầu cao nhìn ra sẽ thấy được cảnh mọi người nghênh đón đức Phật.

Cậu bé La Hầu La lên mười tuổi, đến nói với mẹ:

- *“Mẹ, mẹ! Ba con đã về! Bà nội bảo con cho mẹ hay”*.

La Hầu La ngây thơ lúc ấy nào hiểu được tâm sự của mẫu thân, cậu chỉ thấy mẹ của mình hôm nay sao nghiêm nghị quá, nhưng dù sao cậu cũng là con yêu nên lại ngây ngô hỏi:

- *“Mẹ, mẹ! Coi người ta ở ngoài cung diện nhiều biết bao nhiêu, ba con nhất định cũng ở trong đó. Ba con ra sao?”*.

Câu nói từ miệng cậu bé không biết hình dáng ba mình ra sao, càng khiến Da Du Đà La thương tâm. Nỗi lòng của người lớn, trẻ con hoàn toàn không thể biết.

Bà Da Du một tay kéo La Hầu La bên mình chỉ ra cửa mắt rướm lệ nói:

- *“Con nhìn xem trong số các Thầy Sa Môn kia, người có vẻ trang nghiêm nhất chính là Phụ thân của con”*.
- La Hầu La mở to đôi mắt nhìn theo tay mẹ.

- *“Con chẳng nhận được Phụ thân đâu, con chỉ biết có ông nội, còn người nữa là mẹ, mẹ yêu quý thôi”.*

Một giọt nước mắt của bà rơi xuống mái tóc La Hầu La, bà nắm tay con trở lui vào cung.

Xa cách mười năm, hôm nay Da Du Đà La mới thấy lại đức Phật một lần; mười năm không tin tức thoáng qua như giấc mộng trong tâm tư của bà. Tâm hồn Bà xao xuyến như mặt nước yên tĩnh bị ném trúng một viên đá, những gợn sóng lao xao. Đức Phật biết tâm tưởng bà, nên dắt Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên vào cung thăm viếng.

Cuộc gặp gỡ giữa một Đấng Chánh Giác và một vị vương phi mỹ lệ khiến lắm kẻ lưu ý. Đức Thế Tôn trang nghiêm, yên lặng, một chút từ bi thương xót nhìn Da Du Đà La đang quỳ dưới chân, La Hầu La quỳ bên cạnh. Da Du trầm mồi ngổn ngang bên lòng, xúc động rơi nước mắt. Bà cũng biết giữa đức Phật và bà có một sự ngăn cách không thể vượt qua. Đợi cho Da Du bình tĩnh lại, Đức Thế Tôn mới chậm rãi nói với bà:

- *“Để cho nàng chịu nhiều tâm khổ, tuy đó là sự thiếu sót của Ta, nhưng Ta đã vì tất cả chúng sanh mà ra đi, hôm nay Ta đã đạt được bốn nguyện, nàng hãy hoan hỷ cùng với Ta”.*

Đức Phật nói xong, lại nhìn sang La Hầu La, từ hoà vỗ về cậu bé:

- *“Thật mau quá! Con đã lớn như thế ư!”.*

Đức Phật dường như rất vô tình, và cũng dường như rất tình cảm, thái độ của Ngài, đã khai thị cho Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên nghe xong tưởng chừng như phải khóc một trận mới hã.

La Hầu La bây giờ chẳng biết phải gọi Phụ thân của mình như thế nào. Xưng hô là ba, ba ư? Đây là một bậc Thánh trang nghiêm, tự miệng cậu bé chẳng dám gọi như thế. Xưng hô là Phật Đà chẳng biết trúng hay không. Nhìn bao nhiêu vị Tỳ Kheo, Sa Môn đi theo đức Phật trong tâm cậu bé thông minh ấy đã khởi nghĩ: Đức Phật chẳng phải là Phụ thân của riêng một mình ta, Phật là một bậc đại Từ Phụ của tất cả chúng sanh.

Chỉ có mười tuổi, đã chịu nguyện đem Phụ thân của riêng mình hiến cho chúng sanh làm đấng Cha lành, thật là một cậu bé chẳng tầm thường!

THẦY SA DI ĐẦU TIÊN

Đức Thế Tôn ở tạm trong hoàng cung vài ngày, và đây là lần đầu tiên trong cung điện vắng bóng cung nữ, chẳng có yến tiệc rượu chè, chỉ có 1000 vị Tỳ Kheo theo Phật, cung điện hoàng gia tạm thời trở thành Tăng phòng Tịnh xá.

Đức Thế Tôn biết các Thầy Tỳ Kheo sơ học nếu ở lâu trong vương cung dễ sanh tâm so sánh với lối sống đạm bạc của Tăng đoàn, nên chỉ vài ngày sau Ngài đưa đại chúng về trụ tại rừng Ni Câu Đà, cách thành Ca Tỳ La không xa.

Tuy ở rừng Ni Câu Đà, nhưng Đức Thế Tôn cũng thường về hoàng cung trì bát khất thực hoặc thuyết pháp. Cậu bé La Hầu La ngây thơ một cách dễ thương, thân mật nói với Ngài:

- *“Phật Đà con rất thích được ở chung với Ngài”.*

Câu nói ấy đã biểu lộ phụ tử tình thâm, Đức Thế Tôn cũng trả lời:

- *“Rồi cũng có ngày Ta cho con sống gần bên Ta”.*

Phật nói câu ấy không lâu, quả nhiên La Hầu La xuất gia theo luôn bên Ngài.

Nguyên nhân là vì Da Du Đà La thường khuyến khích La Hầu La thêm hoạt bát lanh lẹ, mặc quần áo đẹp cho, và bảo con rằng:

- *“Con hãy theo Phụ thân xin tài sản đi. Cha con có những châu báu mà chúng ta chưa được thấy!”.*

Do đó, La Hầu La thường chạy theo đức Phật nói:

- *“Phật Đà cho con gia tài”.*

Một hôm, đang lúc Đức Thế Tôn khất thực trở về rừng Ni Câu Đà, Ngài đi trước, La Hầu La chạy theo sau chẳng có ai ngăn cản cậu, cậu cứ lẻo đẻo theo sau Phật kêu:

- *“Cho con gia tài a! Cho con gia tài a!”.*

Da Du Đà La nhìn thấy đứa con duy nhất đi sau lưng Phật, rất sợ La Hầu La bị đưa xuất gia, bất giác rơi nước mắt.

Đức Phật về đến rừng gọi Xá Lợi Phất đến nói:

- *“Xá Lợi Phất! Cậu bé La Hầu La, cứ theo Ta xin gia tài, Ta không muốn cho La Hầu La thứ tài sản và hạnh phúc mong manh, Ta muốn cho La Hầu La thứ gia tài vô giá. Nay, Xá Lợi Phất! Ông hãy cho La Hầu La xuất gia, làm Sa Di đầu tiên của Tăng đoàn”.*

Đức Phật nói xong, gọi Mục Kiền Liên cạo tóc cho cậu bé, lại lễ bái Xá Lợi Phất làm Thầy Bốn Sư truyền giới Sa Di cho La Hầu La.

Đó là khởi nguyên của chúng Sa Di.

La Hầu La vốn là tất cả hoài bão của Bà Da Du, bây giờ đã gia nhập Tăng đoàn, đó cũng là dụng ý của đức Phật. Khi còn là Thái Tử, hạ sanh La Hầu La, Ngài đã rời bỏ ngôi vị ra đi và đắc thành Phật quả thì vương vị mai sau của nước Ca Tỳ La Vệ nhất định sẽ về tay La Hầu La. Nhưng chủ trương của đức Phật để cho một đứa bé con làm chủ cả thần dân thiên hạ là chuyện không thể được, cho nên thừa cơ hội, Ngài phương tiện cho con xuất gia.

La Hầu La xuất gia là một điều đau buồn cho Da Du, cậu bé là nguồn hy vọng của bà, bà thương quý cậu hơn cả thân mình. Thái Tử đã ra đi, bây giờ con yêu cũng lìa bỏ. Đối với bà thật là trời sập đất chìm.

Chúng ta cũng có thể đồng ý với bà Da Du trách đức Phật nhẫn tâm, để cho bà chịu nhiều đau khổ quá đáng. Nhưng chân lý và nhân tình là hai lối trái ngược nhau rất xa, phải hàng phục được tình cảm yếu đuối của thế nhân mới khế hợp được với chân lý giải thoát vậy.

GIÁO GIỚI LA HẦU LA

Hôm ấy, Đức Thế Tôn đến chỗ ở của La Hầu La, với dáng hết sức oai nghiêm. La Hầu La không ngờ vội chỉnh y ra nghinh đón Phật. Đợi cho Thế Tôn an tọa, cậu đem nước đến cho Phật rửa chân. Đức Phật không nói một lời, rửa chân xong, bèn chỉ nước dơ trong chậu hỏi La Hầu La:

- *“Này La Hầu La! Thứ nước dơ bẩn này có đem uống được không?”.*
- *“Bạch Thế Tôn, nước rửa chân rất dơ, không thể uống được”.*
- *“Người nói láo cũng giống như nước đó”.*

Đức Thế Tôn dạy tiếp:

- *“Nước vốn trong sạch, rửa chân xong bèn trở nên cáu bẩn, giống như con vốn là vương tôn, lìa bỏ mọi thứ vinh hoa phú quý tạm bợ của thế gian, xuất gia làm Sa Môn. Tuy chưa thọ giới Tỳ Kheo, nhưng con đã thọ mười giới Sa Di, con không tinh tấn tu tập, không để thân tâm thanh tịnh, không giữ miệng cẩn thận lời nói, dối gạt chọc ghẹo người. Cấu uế của tam độc đầy dẫy trong tâm con, giống như nước trong sạch bị dơ bẩn một thứ”.*

Chưa bao giờ Đức Thế Tôn nghiêm nghị như vậy, La Hầu La cúi đầu chẳng dám nhìn Phật. Đức Phật bảo đem nước đổ đi, cậu bé mới nhúc nhích. Đợi La Hầu La đổ hết nước xong, Phật lại hỏi:

- “*Này La Hầu La, con lấy cái chậu này đựng cơm được không?*”.
- “*Bạch Thế Tôn, chậu đựng nước rửa chân không thể đựng cơm, vì chậu đã dơ, đầy cáu bẩn, không thể đựng thức ăn được*”.
- “*Người nói láo cũng giống như cái chậu đó. Tuy làm Sa Môn thanh tịnh mà không tu giới, định, huệ; thân, khẩu, ý không thanh tịnh, chứa đầy cáu uế, không chân thật, thức ăn đạo lý làm sao nhét vào tâm con?*”.

Phật nói xong lấy chân đá nhẹ cái chậu lăn mấy vòng, La Hầu La thấy thế hoảng sợ. Phật lại hỏi:

- “*Này La Hầu La, con sợ cái chậu này bị bể không?*”.
- “*Bạch Thế Tôn không ạ, chậu rửa chân là đồ vật xấu, có bể cũng chẳng sao*”.
- “*Này La Hầu La, con không tiếc cái chậu này, giống như mọi người không thương mến người nói láo. Con xuất gia làm Sa Môn, không giữ oai nghi, nói dối đùa ghẹo, ai mà thương con được, không ai quý tiếc gì con, cho đến lúc con chết mà con không hối cải, lại càng chìm trong mê mờ!*”.

La Hầu La sợ toát mồ hôi, xấu hổ muốn độn thổ, phát nguyện từ nay về sau cố gắng sửa đổi tâm tánh.

Đức Phật răn dạy xong lại nói thêm một ví dụ cho La Hầu La nghe:

- “*Đời quá khứ có một quốc gia nọ nuôi hai con voi dũng mãnh thiện chiến. Mỗi khi nhà vua cử binh ra trận lại trang bị áo giáp cho chúng. Ngà voi mang giáo nhọn, bên tai giắt kiếm bén, bốn chân đều có đao sáng ngời, sau đuôi lại cột thêm gậy sắt. Tuy mang nhiều vũ khí như thế, nhưng mỗi khi giao chiến chúng đều cuốn vòi dấu kín, vì đó là chỗ nhược, nếu để trúng tên sẽ chết ngay, vì muốn giữ gìn mạng sống phải giữ kỹ chiếc vòi*”.

Này La Hầu La! Con cũng phải như con voi kia giữ kỹ cái vòi, cẩn thận giữ gìn lời nói. Mỗi khi mở miệng nói đùa như voi bị thương, huệ mạng của con sẽ mất, không được mọi người thương mến, không được người trí ưa thích, đến khi lâm chung sẽ bị rơi vào ba đường khổ.

Đức Thế Tôn dùng hết tình, hết lý, khẩn thiết, nghiêm trang răn dạy. Mỗi lời mỗi câu đều in sâu vào tâm La Hầu La. Chú bé phát nguyện từ nay sẽ giữ gìn nghiêm túc không hề vi phạm vào giới vọng ngữ.

Như hạt lúa tuy chúng ta xay giã thành hạt gạo, nhưng còn dính bụi cám, phải vo chà sạch sẽ thì gạo trắng mới ra gạo trắng. La Hầu La tuy có bản tính tốt ngoan ngoãn, nhưng phải có nước pháp của Đức Thế Tôn tẩy rửa một phen mới trở nên thanh tịnh vô nhiễm được.

Từ đó La Hầu La trở thành một người khác.

THẦY SA DI CÓ THỂ Ở CHUNG VỚI TỖ KHEO

Khi Đức Thế Tôn ở tại vườn Cù Sư La, La Hầu La cũng ở đó với Sa Di Quân Đầu, cũng theo Sư phụ Xá Lợi Phất hầu Phật nghe pháp.

Mỗi ngày La Hầu La dậy sớm quét dọn trong vườn, trong ngoài sạch sẽ rồi mới tu tập theo lời Phật dạy. Một khu vườn rộng lớn quét cho sạch hết phải tốn biết bao nhiêu thì giờ. Hôm nọ, La Hầu La quét dọn xong bèn đi nghe Phật thuyết pháp, đến chiều mới trở về phòng lúc ấy phòng của La Hầu La bị thầy Tỳ Kheo quản lý để cho một vị Tỳ Kheo khách ở, những y bát tọa cụ của La Hầu La đều bị bỏ ở ngoài, khách thì an nhiên ở trong phòng.

Phật đã quy định một người một phòng, phòng của mình đã bị người khác chiếm, biết làm sao? Hơn nữa La Hầu La còn là Sa Di, trong Tăng đoàn Sa Di phải kính trọng Tỳ Kheo, và Phật cũng dạy phải nhẫn nại, nên La Hầu La không dám đến hỏi Thầy kia sao lại ở phòng mình. La Hầu La đứng ngơ ngơ ở ngoài cửa, thật là tiến thoái lưỡng nan. Lúc ấy mây đen kéo đến đầy trời, báo hiệu sắp có mưa to; La Hầu La không biết núp vào chỗ nào bèn chui vào nhà xí, tuy có hơi hám thật, nhưng chỉ còn cách ngồi trong đó thôi. Lúc ấy thật cảm thấy nỗi quạnh quẽ của tình cảnh không nhà. La Hầu La đoan tọa trong nhà xí, nỗ lực nhớ đến lời Phật dạy: **“Bất cứ trong hoàn cảnh khốn khổ nào, bất cứ gặp những phiền phức gì, đều không nên khởi tâm oán hận”**. Sức tu của La Hầu La quả thật tiến bộ rất nhiều.

Bên ngoài mưa tuôn xối xả, nước chảy tràn xuống những chỗ trũng, có một con rắn đen ở trong hang bên cạnh, bị ngập nước bèn bò ra, dần dần bò vào nhà xí mà La Hầu La không hề để ý. Rắn độc miền nhiệt đới rất nguy hiểm, lúc ấy sinh mạng của chú Sa Di La Hầu La như chỉ mảnh treo chuông.

Đức Phật đang ở trong thất, hốt nhiên nhớ đến La Hầu La, Ngài dùng thiên nhãn thấy được sự nguy hiểm gần kề, bèn đi ra nhà xí, đằng hắng một tiếng, bên trong cũng có tiếng đằng hắng. Phật bèn hỏi:

- “Ai ở trong đó?”
- “Dạ La Hầu La”.

- *“Ra mau! Phật bảo con đi ra”.*

La Hầu La không ngờ Đức Thế Tôn đã kêu mình, vội bước ra, bất giác quỳ bên chân Phật nước mắt lưng tròng. La Hầu La còn nhỏ, tình cảm không khỏi yếu ớt.

Phật bèn hỏi vì sao La Hầu La lại ngồi ở trong nhà xí. La Hầu La thuật lại mọi việc. Phật bèn dạy La Hầu La hãy vào trong phòng Ngài. La Hầu La vui mừng, như từ Địa ngục bước lên Thiên đường.

Trẻ con tuổi nhỏ cắt ái từ thân, vào trong Tăng đoàn, cần phải được các Tỷ Kheo lớn chiếu cố đến. Vì nhân duyên đó, đức Phật bèn quy định cho các Sa Di, có thể ngủ chung phòng với các Tỷ Kheo hai đêm. Tình thương của đức Phật, chỗ vi tế nhất đều lưu ý đến.

Xưa nay, Sư phụ thâm đệ tử phải có trách nhiệm dạy dỗ. Thầy của La Hầu La là Xá Lợi Phất, thường bận giúp Phật hoàng hóa bên ngoài, ít có dịp ngó ngang đến La Hầu La, nhưng từ khi sự kiện ấy xảy ra, Xá Lợi Phất thường gọi La Hầu La đến ở trong phòng với Tôn giả.

ĐỨC NHẪN NHỤC

Từ khi được đức Phật chỉ dạy và lại thường được ở bên cạnh Sư phụ Xá Lợi Phất, nhận được sự hướng dẫn của Thầy, La Hầu La tu tiến rất nhanh.

Khi đức Phật giảng kinh, Xá Lợi Phất đều dẫn La Hầu La đi nghe. Khi Xá Lợi Phất tịnh tọa, La Hầu La cũng tịnh tọa một bên; khi đi thuyết pháp giáo hóa, Xá Lợi Phất cũng dẫn La Hầu La theo bên mình, dạy cho La Hầu La những kinh nghiệm tu hành vì pháp, vì mọi người. Mỗi ngày khất thực xong, La Hầu La lại theo sau Xá Lợi Phất. Trong Tăng đoàn, tôn giả Xá Lợi Phất được xem như đức Phật thứ hai, thật là Ân sư tôn quý của La Hầu La.

Một hôm La Hầu La đi theo Xá Lợi Phất khất thực tại thành Vương Xá, trên đường đi gặp một tên lưu manh, hấn lấy cát ném vào bát Xá Lợi Phất, và lấy gậy đánh trên đầu La Hầu La.

La Hầu La bị thương, máu nhỏ giọt xuống y, tên lưu manh thấy vậy chẳng những không biết lỗi còn chửi:

- *“Mấy lão trọc chỉ biết đi xin ăn, cứ xưng là từ bi nhẫn nhục, ta đánh lỗ đầu mày thử xem làm gì ta”.*

La Hầu La lúc ấy còn bé tuổi thơ, đã không lộ vẻ tức giận căm gan, nhưng Xá Lợi Phất vẫn an ủi.

“Này La Hầu La, nếu thật là đệ tử Phật, cần phải có tinh thần nhẫn nhục, trong tâm không chứa niềm sân hận, phải đem lòng từ bi thương xót chúng sanh, Đức Phật thường dạy chúng ta như vậy. Lúc vinh dự đừng sanh lòng cao húng, khi bị làm nhục cũng đừng oán hận. Này La Hầu La, nên điều phục tâm đừng để giận tức, giữ chắc tâm nhẫn nại. Trên thế gian không có gì sánh bằng người có sức nhẫn nhục mạnh mẽ, cõi Trời, cõi Người, dù sức mạnh đến đâu cũng không hơn nhẫn nại!”.

La Hầu La nghe Xá Lợi Phất khai thị lắng lặng đến bên ao nước, mặt nước soi rõ bóng dáng, La Hầu La lấy tay khoát nước rửa sạch vết thương, xé một chút vải băng lại. Xá Lợi Phất theo dõi tình hình, trong lòng vừa an ổn lại thương tình.

La Hầu La nhẫn nại, an nhiên theo Xá Lợi Phất, khát thực xong, trên đường về mới nói với Thầy:

- *“Con nghĩ đến vết thương trên đầu, lúc ấy con rất thương người hung ác đánh con, nhưng trên thế gian này sao lắm kẻ hung ác, đến đâu cũng gặp toàn những việc đáng ghi nhận. Con không giận đời, chỉ nghĩ đến cõi đời này nhiều người không biết điều, nhưng con luôn nhớ lời đức Phật dạy: Nên có lòng đại từ, đại bi với họ, để mặc hạng người cuồng bạo nhục mạ chúng ta. Làm Sa Môn Tỳ Kheo phải giữ hạnh nhẫn nhục, chứa đức cao mà người cuồng ngu trở lại khinh chê, lại đi kính trọng mấy kẻ hung dữ độc ác. Đức Phật dạy chân lý từ bi, họ trở lại cho là hôi như xác chết, như trời mưa cam lồ mà loài chó hoang lại chỉ ưa đồ dơ bẩn, ưa ở nơi hôi hám. Nhưng chân lý Phật dạy, những lời nói từ bi của Ngài mà đem nói với hạng người hung dữ, không có chút căn lành ấy, chẳng có hiệu quả gì”.*

Đây là lần đầu tiên La Hầu La đem việc tu hành và ý nghĩ của mình bày tỏ với Sư phụ. Xá Lợi Phất nghe xong rất hoan hỷ, đem những lời của La Hầu La về bạch lại với đức Phật. Phật cũng rất vui lòng, khen La Hầu La ngày nay rất ngoan, đối với người hung ác nên có thái độ như thế, và cách nhìn đời cũng biết như vậy. Phật lại dạy thêm:

- “Người không biết nhẫn, sẽ không tiếp thọ được Phật Pháp, giận đời oán người là điều trái với pháp, xa chư Tăng, thường luân hồi trong đường ác, hạnh nhẫn nhục mới là hạnh an ổn, mới có thể tiêu trừ tai nạn. Người trí tuệ thấy được nhân quả sâu xa. Khắc phục tâm sân hận, thường hành nhẫn nại. Tinh thần của Phật Pháp, chân nghĩa của Phật Pháp không giống như lối nhìn của người đời. Những gì thế gian cho là cao quý thì Phật Pháp cho là hạ tiện; Phật Pháp cho là tốt, là phải, thì người đời không chịu làm theo. Trung không ưa nịnh, tà chẳng thích

chánh, ác không thích đi chung với thiện. Người tham dục thì ghét người vô dục. Trong tình cảnh ấy người tu hành chỉ có việc nhẫn nại. Nhẫn nại là duyên trợ đạo tốt nhất, có thể khiến người tu mau chứng quả Thánh. Nhẫn như thuyền bè trên sông biển, có thể vượt qua mọi sóng gió; nhẫn là thuốc lành trị bệnh, cứu mạng sống cho người trong cơn nguy. Tu thành Chánh giác, vượt qua ba cõi, được Người, Trời kính ngưỡng, là vì tâm ta đủ sức an ổn, phải biết rằng đức nhẫn rất quý vậy”.

Do nhân duyên La Hầu La bị kẻ côn đồ vô cớ hành hung lỗ đầu mà trong lúc tuổi trẻ máu nóng lại có thể nhẫn chịu như một ông Thánh, khiến Sư phụ rất an tâm, đức Phật cũng mừng thầm và dẫn khởi đến đoạn thuyết pháp trên. Xá Lợi Phất nghe xong vô cùng cảm động, La Hầu La cũng rơi lệ, lại càng cảm kích hơn.

LỊCH TRÌNH CHỨNG ĐẠO

La Hầu La đối với chuyện bị chiếm phòng, tự nguyện nhượng bộ; trên đường đi bị kẻ ác đánh trọng thương đều có thể nhẫn được. Tu dưỡng cần mật như vậy, chỉ còn một đoạn nữa là được chứng đạo.

La Hầu La thông minh khéo léo, tinh tấn tu hành; khi còn Sa Di La Hầu La là một đứa trẻ ngoan, hiền lành chứ không phá phách thiên hạ như trong sách Thập Đại Độ Tử mà sư cô Như Đức dịch. Hôm nay đã trở thành một Thầy Sa Di nghiêm biểu trang nghiêm, đức Phật hứa khả: vào năm 20 tuổi cho thọ giới Tỳ Kheo.

Tuy còn trẻ nhưng La Hầu La đạo mạo như một người lão thành. Những cuộc nhóm họp đông đảo trong sinh hoạt của Tăng đoàn, Thầy ít khi tham dự, chỉ im lặng dụng công tu tập.

Thầy là con yêu của đức Phật, là cháu cưng của vua Tịnh Phạn. Vả lại Thầy tu theo mật hạnh nên giữ gìn độc cư im lặng khó ai nhận ra Thầy chứng đạo hay chưa chứng đạo. Nhưng qua mật hạnh tu tập của Thầy, từ những bậc thượng thủ đến các Tỳ Kheo khác đều kính trọng Thầy, ái mộ Thầy, khen ngợi Thầy. Các Thầy Sa Di trẻ rất dễ bị động tâm khi được luôn nghe những lời khen tặng; mấy ngôn từ hoa mỹ ấy đáng sợ như ác ma, nhưng La Hầu La càng nghe lại càng dụng công tinh tấn tu tập.

Có Thầy Tỳ Kheo hỏi Phật về chuyện tu hành của La Hầu La:

- *“Bạch Thế Tôn! Sa Di La Hầu La nghiêm trì giới luật, tinh tấn tu hành, không phạm một lỗi nhỏ, vì muốn cầu chứng đạo, Thầy đã tận tình buông sạch, vậy mà tại sao Thầy vẫn chưa chứng đạo?”.*

Đức Thế Tôn trả lời dứt khoát:

- *“Giữ giới tịnh tâm, giữ thân đoan chánh, nhất định có thể dứt sạch ô nhiễm, nhất định dần dần chứng quả”.*

Đối với việc La Hưu La tu tập, Đức Phật đầy tin tưởng, nhưng ngày ấy cũng không còn xa.

La Hưu La đem chỗ tâm đắc của mình bạch với Phật, Phật dạy La Hưu La từ đây về sau nên im lặng như Thánh mà tu tập theo những lời Phật đã dạy.

Đức thế Tôn khát thực trở về đến chỗ La Hưu La đang tọa thiền.

La Hưu La từ toà đứng dậy, đánh lễ Phật và thưa:

- *“Bạch Thế Tôn! Phiền não con đã hết. Con đã chứng đạo xong”.*

Đức Phật rất hoan hỷ còn hơn sự hoan hỷ của La Hưu La, Ngài khen ngợi:

- *“Trong các đệ tử của Ta, La Hưu La là một hạnh đệ nhất”.*

Gọi là một hạnh, nghĩa là trong ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, La Hưu La đều biết hết.

Nghĩ đến hồi ban đầu La Hưu La theo Phật xin gia tài, hiện tại Tôn giả chứng đạo là đã được đức Phật trao cho pháp tài vô tận. Nghĩ đến thuở còn Sa Di nhỏ tuổi gia nhập Tăng đoàn, La Hưu La đã làm bận lòng đức Phật không biết bao nhiêu. Hiện tại Tôn giả đã xa lìa mọi dục lạc thế gian, đạt được niềm vui chân chánh của pháp mầu. Thật là vinh hạnh cho Tôn giả.

NHẬP DIỆT

Những nhân vật oanh liệt trong Tăng đoàn thuở ấy là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nan, v.v.. còn La Hưu La thì không. Một người nghiêm túc trong một hạnh trì giới, chỉ im lặng tu tập, im lặng không tranh đua với thế gian; hoặc là vì La Hưu La quan hệ đến Thế Tôn, nên Ngài đặc biệt hạn chế Tôn giả. Chúng ta cũng biết La Hưu La có tư cách nhu thuận, phẩm chất kiên cường, nhưng chúng ta cũng thấy trong sinh hoạt của một vị tu sĩ, tôn giả không phải là người sôi nổi. Cho nên trong kinh sử không thấy ghi lại những sự tích La Hưu La nhiệt tình thuyết pháp, hay nghị luận với ngoại đạo. Đúng như lời Đức Thế Tôn nói tôn giả là một người nghiêm túc trong tế hạnh, trong giới luật; là một vị một hạnh đệ nhất.

La Hầu La nhập diệt khi nào, cũng như năm tháng đản sanh của tôn giả có hai truyền thuyết. Thái tử Tất Đạt Đa năm 19 tuổi hạ sanh La Hầu La, có thuyết lại nói đến năm 25 tuổi mới sanh La Hầu La. Về năm diệt cũng có hai thuyết, một thuyết nói Tôn giả nhập Niết bàn trước đức Phật vài năm, thuyết khác nói khi đức Phật nhập Niết bàn Tôn giả còn quỳ bên giường.

Ấn Độ là một nước không mấy chú trọng về lịch sử, còn Trung Hoa chúng ta thấy không ít nhà phiên dịch phóng đại và tưởng tượng huyền hoặc. Những sự tích lặt vặt về cuộc đời Đức Thế Tôn và các vị Thánh đệ tử được ghi chép trong kinh điển, thật sự cũng có ít nhiều cất xén.

Căn cứ theo sử ký có thể khảo cứu qua kinh điển thì Tỳ Kheo Ni Da Du Đà La, mẫu thân của La Hầu La nhập diệt vào năm 78 tuổi, và La Hầu La nhập diệt được kể là sớm hơn.

Vào một buổi chiều Da Du Đà La đã suy tư đến rất nhiều sự việc bà nghĩ đến Kiều Đàm Di, Liên Hoa Sắc đều đã nhập Niết bàn. La Hầu La cũng đã nhập Niết bàn. Ta sanh đồng một năm với Đức Phật, năm nay ta đã bảy mươi tám tuổi, nghe nói Đức Phật sẽ nhập Niết bàn vào năm 80 tuổi. Nghĩ đến chuyện ta nhập diệt đồng một lúc với Ngài, nhưng hiện nay đối với Đức Phật chỉ có pháp tình mà không có tình riêng gì khác. Vậy việc ấy là một điều bất kính; chi bằng ta nhập diệt sớm là tốt hơn.

Da Du Đà La được đức Phật hứa khả, hướng về Phật đánh lễ cảm tạ xong, bèn hiện thân thông bay lên hư không mà đi, và đêm đó bà ở trong phòng, nhập định vào Niết bàn.

Căn cứ vào sử ký nhập diệt của Da Du Đà La thì La Hầu La đã nhập diệt trước cả bà và Đức Phật, và theo đó tính tuổi của Tôn giả không quá 60 tuổi, đại khái tôn giả chỉ sống trên năm mươi năm là cùng.

Đương nhiên đối với một vị Thánh thì cái chết, dù sớm hay muộn cũng chỉ là chuyện thường. Bỏ sắc thân hư huyễn giả dối này, đem sanh mạng an trụ trong từ trường bất động; chuyện ấy không có gì phải buồn, trái lại đó là một hạnh phúc.

La Hầu La vào năm 20 tuổi đã chứng quả, cái mục đích tối hậu của đời người đã đạt được, thì khi nhập diệt nhất định là an nhiên tự tại mà ra đi.

25 GIỚI HÀNH SA DI

GIỚI THIỆU BỘ GIỚI HÀNH SA DI

Bộ Giới Hành Sa Di này tôi dựa vào ba bài kinh sau đây:

1- Giáo Giới La Hầu La ở rừng Am Bà La.

2- Tiểu Giáo Giới La Hầu La.

3- Đại Giáo Giới La Hầu La.

Nhờ ba bài kinh này chúng tôi biên soạn thành bộ giới. Đây là một bộ Giới hành hết sức quan trọng cho người mới vào tu tập theo Phật giáo.

Theo tôi nhận xét những lời đức Phật dạy La Hầu La trong ba bài kinh này có giá trị rất lớn cho sự tu tập của mọi người từ sơ cơ đến chứng đạo, nên tôi quyết tâm soạn thảo thành phần 2 của bộ Văn Hóa Truyền Thống Đạo Đức Việt Nam, cho trọn vẹn đầy đủ: Giới Cấm, Giới Đức, Giới Hạnh và Giới Hành.

Dựa theo đoạn sử trên, La Hầu La là đứa con trai duy nhất của đức Phật, cũng là người Sa Di đầu tiên trong đạo Phật, vì vậy những điều đức Phật dạy cho La Hầu La rất căn bản và quan trọng đối với những người mới bước chân vào đạo Phật. Do nhận xét kỹ ba bài kinh này tôi thấy rằng: những giới luật này mới chính là giới luật của đạo Phật, nó rất căn bản trong sự tu hành theo Phật giáo của bao nhiêu thế hệ sau này, nhất là dạy tu hành cho những thế hệ trẻ.

Theo kinh nghiệm tu hành của tôi thì những lời giáo giới này là nền tảng vững chắc của đạo Phật, nó được lưu giữ để lại cho bao nhiêu thế hệ người sau. Những người sau muốn chấm dứt sanh tử luân hồi đều phải nương theo những lời giáo giới này để tu tập thì mới có thể chứng quả A La Hán giải thoát hoàn toàn.

Nếu ai chịu khó nghiên cứu kỹ về Phật giáo, đều phải công nhận rằng: Phật giáo lấy thiện pháp làm gốc; nhờ thiện pháp mà ta nhận ra được ác pháp; nhờ thiện pháp mà tìm được sự giải thoát: sanh, già, bệnh, chết; nhờ thiện pháp mà chứng được đạo quả A La Hán; nhờ thiện pháp mà có đủ Tam Minh, Lục Thông; nhờ thiện pháp mà tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ; nhờ thiện pháp mà có một đời sống cao thượng không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh; nhờ thiện pháp mà nhập được bốn thiền làm chủ được sự sống chết, tự tại trong sinh tử; nhờ thiện pháp mới thực hiện được cảnh giới an lạc Niết bàn.

Nhưng thiện pháp thì có vô lượng, vô biên, làm sao chúng ta biết hết được? Đúng vậy, do thiện pháp có vô lượng vô biên, nên đức Phật lần lượt vạch ra cho

chúng ta thấy những thiện pháp gốc. Những thiện pháp gốc này đều nằm trong tạng kinh Nikaya; những bài kinh ấy được gọi giới kinh, như kinh Phạm Võng, kinh Sa Môn Quả và những bài kinh giáo giới khác cho các vị Tỳ Kheo trong thời bấy giờ. Dựa theo những bộ giới kinh mà các Tổ biên soạn thành bộ giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa, nhưng lại gán cho Phật chế giới luật. Giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa gồm có:

- 348 giới Tỳ Kheo Ni.
- 250 Tỳ Kheo Tăng.
- 10 Giới Sa Di.
- 10 Thiện Pháp tiêu chuẩn của cõi Trời.
- 5 giới cấm tiêu chuẩn của loài Người.

Bảng liệt kê giới bốn trên đây chúng ta nhận xét giới cấm quá nhiều lại còn thêm giới kinh cũng không phải là ít. Do đó, tu sĩ hay cư sĩ không có giới hành tu tập thì không còn cách nào không vi phạm giới luật. Phải không các bạn?

Vì thế, bộ Giới hành cần phải được biên soạn và cho ra đời càng sớm càng tốt để giúp cho Phật giáo chấn chỉnh lại những điều tu sĩ vi phạm giới luật và những chỗ sai lệch do ảnh hưởng tương giải của các Tổ, của tà giáo ngoại đạo và của những phong tục mê tín lạc hậu của dân gian.

Muốn hoàn thành bộ Giới Luật này xin các bậc tôn túc đức cao, trí rộng góp ý cùng với tôi để làm thành bộ Giới Luật có giá trị thiết thực, cụ thể, chỉ rõ đạo đức làm người, làm Thánh và con đường tu tập đạt được kết quả tốt đẹp xứng đáng là những bậc Thánh Tăng, Thánh Ni và Thánh Cư sĩ.

Kính ghi,

Tu Viện Chơn Như.

GIỚI HÀNH THỨ NHẤT: NÓI LỜI KHÔNG THÀNH THẬT

Muốn đạt được một đời sống giới luật nghiêm chỉnh thì phải thông hiểu, tu tập và sống đúng giới đức, giới hạnh và giới hành. Vậy giới đức, giới hạnh và giới hành là gì?

Giới đức là những lời dạy đạo đức về đời sống của con người tức là Chánh mạng.

Giới hạnh là những lời dạy về Phạm hạnh tức là oai nghi tế hạnh thường thể hiện qua những hành động sống như: đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, tiếp giao với mọi người, v.v.. Những oai nghi tế hạnh ấy được gọi là Chánh nghiệp.

Giới hành là những lời dạy cách thức tu tập đạo đức và oai nghi chánh hạnh của một tu sĩ Phật giáo trọn đầy đức hạnh làm người, làm Thánh không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, tức là Chánh nghiệp.

Như trong bài kinh Giáo Giới La Hầu La ở rừng Am Bà La, bài kinh này chỉ có một giới cấm duy nhất là **“Vọng Ngữ”**. Không vọng ngữ là một giới luật quan trọng nhất trong các giới khác, giới này thuộc về giới trọng (Ba La Di). Ai tu theo Phật giáo mà vi phạm giới này thì được xem như người tử tội. Cho nên một giới này vi phạm thì tất cả các giới khác đều vi phạm. Do đó Đức Phật đã xác định: **“Này La Hầu La, đối với ai biết mà nói láo không có tầm quý, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm. Do vậy này La Hầu La, Ta quyết không nói láo, dầu nói để mà chơi”**.

Nói láo là một giới luật quan trọng nhất trong các giới luật khác của đạo Phật như trên đã nói. Giới cấm nói láo không riêng cho những người tuổi trẻ mà ngay cả những người lớn tuổi; không riêng cho tín đồ Phật giáo mà ngay cả cho tất cả mọi người cũng phải giữ gìn nghiêm chỉnh. Nếu tu theo Phật giáo mà còn nói láo thì không bao giờ tu tập đi đến giải thoát được, dù nói láo để mà chơi. Trong Giới Bốn người tu sĩ nào nói láo là phạm vào giới dứt đầu, có nghĩa là một tu sĩ Phật giáo còn nói láo thì không thành là một tu sĩ nữa. Xin các bạn đọc lại Giới Bốn Ba La Đề Mộc Xoa, giới thứ tư Giới Thánh Đức Thành Thật thì các bạn sẽ rõ. Ở đây, tôi xin giải thích sơ lược về giới luật này. Vậy nói láo nghĩa là gì?

Nói láo là nói không thành thật, chuyện có nói không, chuyện không nói có; những người nhiều chuyện lắm mồm thường hay nói láo, chuyện ít xít ra nhiều, đặt điều nói xấu người khác. Đó là những người nói láo. Người nói láo không biết xấu hổ thì không có việc ác nào mà họ không làm được, như lời Phật xác quyết trên đây. Trong cuộc sống chung đụng với mọi người, sự chung đụng ấy đã dạy cho chúng ta biết điều này rất rõ ràng: **“Những người nói láo là những người không tốt, hãy dè dặt cẩn thận khi gặp họ hoặc nên tìm cách tránh xa, không nên làm thân với những người này”**.

Ở đời người ta xem thường vấn đề nói láo, nên mọi người không ai tránh khỏi, dù nói láo không làm hại ai, nói láo chơi; nhưng đối với những người tu theo Phật giáo không nên nói láo.

Có người nói láo quá lộ liễu, khi nói xong người ta phát hiện ra liền, nhưng lại có người nói láo rất khéo léo khiến cho mọi người khác không thể phát hiện ngay liền được. Nhưng nói láo với ai thì được, chứ không thể nói láo với chính mình. Vì vậy người nói láo không biết xấu hổ thì luôn luôn sẽ nói láo và khi nói láo được thì họ sẽ làm bất cứ việc ác nào họ cũng không từ chối. Vì thế ta nên tránh xa

những hạng người này. Họ là những người nguy hiểm các bạn ạ!

Trong cuộc đời này người nào nói láo sớm muộn gì người ta cũng phát hiện ra được. Khi bị phát hiện ra thì uy tín của người ấy không còn nữa. Cho nên Giới Kinh và Giới Bổn đều dạy người Sa Di (người mới vào tu tập) không được nói láo. Người nào nói láo sẽ không được chấp nhận cho vào tu tập tại tu viện.

Muốn biết sự quan trọng của sự nói láo như thế nào, xin các bạn vui lòng đọc lại bản giới kinh mà đức Phật đã dạy La Hầu La:

“Vào một buổi chiều sau khi xả thiền đức Phật đi đến khu rừng Am Bà La chỗ La Hầu La đang cư trú.

Tôn giả La Hầu La thấy Thế Tôn từ xa đi đến liền sửa soạn chỗ ngồi và nước rửa chân, Thế Tôn rửa chân và ngồi xuống chỗ đã soạn sẵn, Tôn giả La Hầu La đánh lễ và ngồi xuống một bên Thế Tôn.

Khi rửa chân Thế Tôn để lại một ít nước trong chậu và bảo La Hầu La:

- Con có thấy một ít nước rửa chân còn lại trong chậu không?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

- Nay La Hầu La, Sa môn hạnh là không được nói láo, người nào biết mà nói láo không có tầm quý thì chẳng khác nào như một ít nước rửa chân còn lại trong chậu. Như vậy nay La Hầu La nước ấy còn dùng để uống được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn”.

Đọc đoạn kinh trên chúng ta nhận xét thấy rất rõ ràng: người nào nói láo, nói không thật là người không còn dùng được nữa. Đó là cuộc sống thường tục mà còn không dùng được những người như vậy thì trong đạo những người này không bao giờ tu chứng quả giải thoát được. Tại sao vậy?

Vì đức Phật đã xác định người nào nói láo mà không biết xấu hổ là người ấy sẽ làm tất cả các ác pháp. Như các bạn đã biết đạo Phật chủ trương lấy thiện pháp làm nền tảng giải thoát cho đường tu tập của mình. Vì thế một người nói láo mà không biết xấu hổ thì sẽ làm tất cả các ác pháp khác. Do thế khi phát hiện một người nói láo trong đạo là người ác, người ấy sẽ không bao giờ tu hành đi đến giải thoát được.

“Sau khi đổ đi nước rửa chân còn lại trong chậu đức Phật dạy:

- *Này La Hầu La con có thấy nước rửa chân bị đổ đi không?*

- *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

- *Nói láo nên bỏ đi, cũng như nước rửa chân trong chậu không thể dùng vào việc gì được, nó phải đổ bỏ. Hạnh Sa Môn không thể chấp nhận người tu sĩ nói láo, nói láo mà không biết xấu hổ, không biết bỏ đi, nói láo là làm hại mình, hại người cũng giống như nước rửa chân đổ bẩn mà không đổ bỏ, để cũng chẳng ích lợi gì”.*

Lấy một giới vọng ngữ tượng trưng cho mười giới đức Thánh Sa Di. Một giới vi phạm thì 10 giới kia đều vi phạm. Dựa theo bài kinh này mà xác định thì tu sĩ Phật giáo hiện giờ, trong mười giới đức Thánh Sa Di họ đều không giữ trọn vẹn.

Ví dụ: Chúng ta chỉ phát hiện ông sư A phạm giới nói vọng ngữ, chỉ vọng ngữ nói chơi thì phải biết rằng: Một giới vọng ngữ tuy nói chơi vẫn vi phạm, mà đã vi phạm thì chín giới kia đều vi phạm cả. Giới vọng ngữ thuộc về giới dứt đầu (Ba La Di) cho nên các Tổ sợ dứt đầu, nên khéo lý luận để che đậy khi mình vi phạm giới này cho nhẹ bớt tội nên bảo rằng: ***“Kẻ nào tu hành chưa chứng Thánh quả mà nói mình chứng Thánh quả là kẻ đại vọng ngữ thuộc về tội Ba La Di, còn nói dối chơi thì tội nhẹ”.*** Theo lời Phật dạy dù nói vọng ngữ chơi cũng phạm vào tội Ba La Di.

Như trong kinh Giáo Giới La Hầu La đã xác định rõ ràng: ***“Kẻ nào nói láo mà không biết xấu hổ là sẽ làm bất cứ những điều ác khác. Do vậy này La Hầu La, Ta quyết không nói láo, dầu nói để mà chơi”.***

Ví dụ: ông sư B phạm giới ăn phi thời thì nên biết rằng: *“Chín giới kia ông cũng đều vi phạm hết”.* Tại sao vậy?

Tuy rằng chúng ta không thấy không bắt gặp, nhưng trong ý thức của ông đều vi phạm cả, chính ông là người biết mình hơn ai hết. Che dấu ai chứ không thể che dấu mình được. Phải không các bạn?

Đức Phật đã xác định những điều này, xin lặp lại: ***“Cũng vậy, này La Hầu La, đối với ai biết mà nói láo, không có xấu hổ thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm”.*** Ý của câu này nếu ai hiểu biết giới luật mà còn vi phạm, lại không biết xấu hổ thời người ấy sẽ phạm tất cả giới, đó là người không tốt, người xấu, cần tránh xa.

Do thế, chúng ta xét thấy tu sĩ Phật giáo thời nay không có giới luật nào mà không vi phạm.

Qua những lời dạy trên đây của đức Phật rất thấm thía. Người phạm giới giống như nước rửa chân; nước rửa chân còn dùng vào được những gì, phải không các bạn? Chỉ còn đổ bỏ đi mà thôi.

Trong Phật giáo Nguyên Thủy không chấp nhận những tu sĩ phạm giới, chỉ có Phật giáo phát triển Đại thừa mới dung chứa những tu sĩ này.

Đối với Phật giáo, những tu sĩ phạm giới thường làm hại Phật giáo, làm cho Phật giáo suy đồi, làm cho Phật giáo mất gốc, làm cho Phật giáo trở thành tôn giáo mê tín, làm cho Phật giáo trở thành tôn giáo lừa đảo dối gạt người để ngồi mát ăn bát vàng, làm cho Phật giáo trở thành một môn học triết học luận lý suông, làm cho Phật giáo trở thành một loại thiền định tưởng, làm cho Phật giáo trở thành một thế giới ảo tưởng, làm cho Phật giáo trở thành một nghề nghiệp nuôi sống những người lười biếng lao động.

Đức của giới này là Đức Thành Thật, nếu ở đời ai cũng thành thật đối xử với nhau trong cuộc sống này thì gia đình hạnh phúc biết bao, xã hội thì có trật tự an ninh, đất nước thì phồn vinh thịnh trị.

Hạnh của giới này là trực hạnh. Nếu mọi người ai cũng thẳng thắn sống đúng trực hạnh sai nói sai, đúng nói đúng, không nịnh bợ a dua, không thêm bớt nói xấu người khác thì cuộc đời này là Thiên đàng, Cực Lạc.

Hành của giới này là chánh ngữ. Trước khi muốn nói ra điều gì phải tư duy suy nghĩ chín chắn rồi mới nói; nói ra không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai; nói ra lời nói êm dịu, ôn tồn, nhã nhặn, từ tốn, thanh lịch, dịu dàng, v.v..

Tóm lại, giới luật là pháp môn có đầy đủ đức, hạnh, hành, khiến cho những ai chấp nhận nó, lấy nó làm khuôn vàng thước ngọc, lấy nó làm chỗ nương tựa vững chắc, lấy nó làm ngọn đuốc soi đường, lấy nó làm Thầy của mình thì chắc chắn người ấy sẽ đi đến bờ giải thoát hoàn toàn an ổn.

--o0o--

GIỚI HÀNH THỨ HAI: GIỚI THÂN HÀNH NGHIỆP

Muốn đạt được một đời sống giới luật nghiêm chỉnh thì phải thông hiểu: giới đức, giới hạnh và giới hành. Vậy giới đức, giới hạnh và giới hành là gì?

Giới đức là những lời dạy đạo đức về đời sống của con người tức là Chánh mạng.

Giới hạnh là những lời dạy về Phạm hạnh tức là oai nghi tế hạnh thường thể hiện qua những hành động sống như: đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, tiếp giao với

mọi người, v.v.. Những oai nghi tế hạnh ấy được gọi là Chánh nghiệp.

Giới hành **THÂN HÀNH NGHIỆP** là những phương pháp dùng để tu tập, rèn luyện thân tâm trở thành một thói quen tốt. Có thói quen tốt tức là có những hành động sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Muốn sống có đạo đức như vậy thì chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy La Hầu La giới hành:

“Này La Hầu La, con nghĩ thế nào? Mục đích của cái gương là gì?

- Bạch Thế Tôn mục đích của cái gương là để soi, để phản tỉnh lại mình.

- Cũng vậy, này La Hầu La, con phản tỉnh hay soi lại nhiều lần nơi thân hành nghiệp, khẩu hành nghiệp, ý hành nghiệp của con.

- Khi soi vào thân hành nghiệp và con muốn cho thân hành nghiệp của con phải làm gì, thì con phải soi lại thân hành nghiệp như sau: “Thân hành nghiệp này của con có thể đưa đến tự hại; có thể đưa đến hại người; có thể đưa đến hại cả hai; thân hành nghiệp này là bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ”.

Này La Hầu La, khi con nghĩ như vậy, nhất định con không nên làm, nhất định con từ bỏ, nhất định con cần phải thưa lên, cần phải tỏ lộ trình bày trước các vị đạo sư hay trước các vị đồng Phạm hạnh. Sau khi đã tỏ lộ trình bày cần phải phòng hộ trong tương lai.

- Còn ngược lại khi con soi lại thấy thân hành nghiệp này của con không có thể đưa đến tự hại, không có thể đưa đến hại người, không có thể đưa đến hại cả hai, thì thân nghiệp này thiện, đưa đến an lạc. Một thân nghiệp như vậy, này La Hầu La, con nên làm, cần phải tiếp tục làm. Do vậy, này La Hầu La, con phải an trú trong niềm hoan hỷ, tự mình tiếp tục học ngày đêm trong các thiện pháp”.

Đọc đoạn kinh trên đây, nếu là người quyết tâm tu hành theo Phật giáo để tìm cầu sự giải thoát, thì người ấy thấy ngay liên sự giải thoát trong giới hành thứ hai này. Trong giới hành này muốn tu tập thì phải dùng Chánh tư duy trong mỗi hành động về thân hành của mình. Khi biết thân hành nào làm khổ mình hoặc làm khổ người hoặc làm khổ chúng sanh thì nhất định không làm theo thân hành đó, còn thân hành nào không làm khổ mình hoặc không làm khổ người thì nhất định làm, dù thân hành đó có khó khăn đến đâu, có gian nan cực khổ như thế nào chúng ta cũng quyết tâm làm cho bằng được như đức Phật thường dạy:

“Đừng bỏ gánh nặng thiện pháp”.

Ví dụ 1: Dùng gậy, dao, giáo, mác để đánh hoặc đâm, giết người và tất cả loài vật khác thì nhất định không làm những hành động đó, thà chết chứ không để có những hành động quá ác độc ấy. Đây là giới hành thân hành nghiệp thực hiện đạo đức cao thượng mà các bạn cần phải ghi nhớ. Đó là những hành động thân hành nghiệp thiện mà ai cũng có thể làm được. Phải không các bạn?

Ví dụ 2: Hành động thân hành nghiệp của bạn là bạn đang cầm ly rượu uống hoặc hành động dâm dục (thủ dâm, tương dâm, giao hợp với người khác phái trong chiêm bao...), hành động tức giận, hành động tị hiềm, hành động hại người và loài vật, hành động lừa dối, hành động tham ăn, tham ngủ, hành động nói chuyện xấu người, v.v.. Nếu một người có quyết tâm tu hành thì tất cả những hành động này thà chết chứ không bao giờ làm những hành động độc ác này.

Trên đây là những giới hành có hành động đạo đức cao thượng không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh. Vậy các bạn cần phải ghi nhớ để trau dồi hằng ngày, để mỗi hành động thân nghiệp của bạn mỗi ngày cho được tốt đẹp hơn.

Nhờ có chánh tư duy tu tập giới hành như vậy thì giới cấm mới được giữ gìn nghiêm chỉnh không hề vi phạm.

Từ lâu các bạn đến với Phật giáo, nhưng các bạn chưa từng học và hiểu về giới hành. Có phải vậy không các bạn?

Hôm nay nhờ học bài kinh Giáo Giới La Hầu La ở rừng Am Bà La thì các bạn mới hiểu biết và thông suốt về giới hành, biết rõ giới hành là phương pháp tu tập rèn luyện để ngăn ác diệt ác pháp, để ly dục ly ác pháp, để thành tựu những hành động đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

Giới hành là những hành động sống hằng ngày của các bạn; giới hành sẽ đem lại sự an vui hạnh phúc cho các bạn; giới hành là những hành động sống của những bậc Thánh mà trong giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa đã dạy. Đó là Mười Giới Đức Thánh Sa Di đã ghi chép rõ ràng. Xin các bạn vui lòng đọc lại để thấy mình có sống đúng mười giới luật này hay chưa? Nếu chưa sống đúng 10 giới luật này thì các bạn hãy đem giới hành ra áp dụng vào đời sống hằng ngày của mình thì giới bốn ấy các bạn sẽ không hề vi phạm những lỗi lầm, dù là những lỗi nhỏ nhặt nhất.

--oOo--

GIỚI HÀNH THỨ BA: GIỚI KHẨU HÀNH NGHIỆP

Bắt đầu học, tu tập và muốn đạt được một đời sống giới luật **KHẨU HÀNH NGHIỆP** nghiêm chỉnh thì phải thông hiểu: giới đức, giới hạnh và giới hành của nó. Vậy giới đức, giới hạnh và giới hành của giới luật khẩu hành nghiệp là gì?

Giới đức khẩu hành nghiệp là những lời dạy đạo đức về đời sống của con người tức là Chánh ngữ nghiệp.

Giới hạnh khẩu hành nghiệp là những lời dạy về Phạm hạnh tức là oai nghi tế hạnh thường thể hiện qua những khẩu hành nghiệp như: nói, nín, tiếp giao với mọi người, v.v., Những oai nghi tế hạnh như vậy được gọi là Chánh khẩu nghiệp.

Giới khẩu hành nghiệp là giới hành về lời nói. Vậy xin các bạn hãy vui lòng lắng nghe lời đức Phật dạy: ***“Này La Hầu La, khi con muốn nói một lời nói gì thì hãy suy nghĩ lời ấy như sau: lời nói này của ta, có thể đưa đến làm khổ ta, có thể đưa đến làm khổ người khác, có thể đưa đến làm khổ cả hai. Lời nói này bất thiện, đưa đến đau khổ, đem đến quả báo đau khổ. Một lời nói như vậy này La Hầu La nhất định chớ có nói con ạ!”***.

Trong giới hành này đức Phật dạy rất cụ thể về lời nói, khi muốn nói một điều gì thì phải có sự tư duy rất kỹ lời nói ấy. Ai cũng biết khi nói ra lời nói sai, ác, không đúng sự thật thì rất khó lấy lại. Nói ra lời nói phải là lời nói đem lại hạnh phúc và sự an vui cho mình, cho người thì mới nói, còn nói ra làm khổ mình, khổ người thì không nên nói. Người xưa nói: ***“Lời nói không mất tiền mua, lựa ăn lựa nói cho vừa lòng nhau”*** hoặc ***“khi nói ra phải đánh lưỡi bảy lần”***. Nếu chúng ta thực hành đúng như lời dạy này thì trên thế gian là Thiên Đàng, Cực Lạc.

Thưa các bạn! Tu hành là một danh từ nói theo tôn giáo, chứ danh từ tu hành là những hành động suy tư, nghiền ngẫm cẩn thận trước khi làm một điều gì, nói một điều gì hay suy nghĩ một điều gì để những điều đó không làm hại mình, hại người và hại cả hai. Cho nên danh từ tu hành theo Phật giáo ở giai đoạn mới bắt đầu thì chúng ta thấy đức Phật không có dạy cho La Hầu La cúng bái, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật, cầu nguyện, v.v., mà dạy sự tư duy suy nghĩ trước khi muốn làm, muốn nói, muốn suy tư một việc gì đều phải là thiện. Nhờ cẩn thận tư duy kỹ lưỡng từng hành động, lời nói và sự suy nghĩ của mình đều hoàn toàn thiện thì mới mong mang đến cho mình, cho người những sự an vui hạnh phúc. Phải không các bạn?

Vậy mà thời nay, khi chúng ta mới bước chân vào chùa là dạy tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, gõ chuông, đánh mõ, đánh trống, đánh chuông; tụng kinh thì ê, a giọng cao giọng thấp như đào kép hát... như ca nhạc.

Có một số tu sĩ ham danh chạy theo học hành để đạt những cấp bằng Cử nhân, Tiến sĩ...

Nhưng thưa các bạn! Xét lại bài kinh trên chúng ta thấy rất rõ Phật dạy tu để giải thoát ra khỏi sự khổ đau của kiếp làm người, còn các Tổ thì dạy cho chúng ta có một cái nghề để sống kiếm ăn bằng cách lừa đảo dối gạt người. Có đúng không các bạn?

Các vị Giảng sư chỉ học có cấp bằng để nói láo, chứ có tu hành gì đâu?

Còn dạy tụng kinh niệm chú là để hành nghề Thầy cúng mê tín lạc hậu... chứ có tu hành gì đâu? Nói như vậy có đúng không các bạn?

GIỚI HÀNH THỨ TƯ: GIỚI Ý HÀNH NGHIỆP

Bắt đầu học, tu tập và muốn đạt được một đời sống giới luật **Ý HÀNH NGHIỆP** nghiêm chỉnh thì phải thông hiểu: giới đức, giới hạnh và giới hành của nó. Vậy giới đức, giới hạnh và giới hành của giới luật ý hành nghiệp là gì?

Giới đức ý hành nghiệp là những lời dạy đạo đức về đời sống của con người tức là Chánh tư duy.

Giới hạnh ý hành nghiệp là những lời dạy về Phạm hạnh tức là oai nghi tế hạnh thường thể hiện qua ý hành nghiệp như: nói, nín, tiếp giao với mọi người, v.v., những oai nghi tế hạnh như vậy được gọi là Chánh ý nghiệp.

Trong sự tư duy, quán xét ý nghiệp, khẩu nghiệp, thân nghiệp như đức Phật đã dạy cho La Hầu La như sau: ***“Ý nghiệp này của ta có thể đưa đến tự hại, có thể đưa đến hại người, có thể đưa đến hại cả hai, ý nghiệp này bất thiện, đưa đến đau khổ, đưa đến quả báo đau khổ. Đây La Hầu La, một ý nghiệp như vậy nhất định con chó có làm. Còn ngược lại, ý nghiệp nào không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai. Sau khi tư duy quán xét nhiều lần biết rõ ý nghiệp này là thiện, đưa đến an lạc, đem đến quả báo an lạc. Do vậy, này La Hầu La, con nên làm và an trú trong niềm hoan hỷ tự mình tiếp tục tu học ngày đêm trong các thiện pháp”***.

Kính thưa các bạn thân mến! Trên đây về giới cấm, giới đức, giới hạnh và giới hành trong bài kinh này đức Phật dạy rất rõ ràng. Chúng tôi xin nhắc lại đoạn kinh trên: **“Chớ có nói láo, nếu giới nói láo này vi phạm thì không có giới nào là không vi phạm (một giới nói láo vi phạm thì 10 giới Sa Di đều vi phạm cả)”**.

“Cũng vậy này La Hầu La đối với ai biết mà nói láo không có xấu hổ, thời Ta nói rằng người ấy không có một việc ác gì mà không làm”.

(Bài kinh giáo giới ở La Hầu La ở rừng Am Bà La)

Cũng trong bài kinh này đức Phật dạy về giới đức. Một người nói láo như nước rửa chân không thể dùng uống được phải đổ bỏ đi. Đúng vậy, nói láo là người không có đức thành thật; người không có đức thành thật thì chẳng khác nào như nước dơ bẩn không thể dùng được. Chỗ này đức Phật đã xác định qua hành động đổ bỏ nước rửa chân cho La Hầu La thấy:

“- Này La Hầu La, con có thấy một chút ít nước rửa chân còn trong chậu bị đổ đi không?”

- Thưa vâng bạch Thế Tôn.

- Cũng vậy này La Hầu La là đức hạnh của người Sa Môn biết mà nói láo, không có xấu hổ thì người ấy không có đức hạnh của người Sa Môn, cũng giống như nước rửa chân kia phải đổ đi không dùng được”.

Trên đời này người nào không thành thật là người hay nói láo; người hay nói láo là người ác, người xấu. Chúng ta nên lánh xa, không nên gần gũi với những người ấy, theo như lời đức Phật đã dạy: **“Người nói láo không biết xấu hổ, thời Ta nói rằng người ấy không có việc ác gì mà không làm”**.

Đó là lời khẳng định của đức Phật. Cho nên khi phát hiện ra người nói láo, thì biết rằng người đó, dù đối với cha mẹ, thầy bạn của họ, họ vẫn đặt điều nói láo, nói xấu như thường. Bằng chứng trong tu viện có một số người về đây tu tập, khi phạm giới, phá giới, sống không đúng oai nghi tế hạnh của người người tu sĩ, ôm pháp tu hành không nổi, buông bỏ gánh nặng của thiện pháp. Ngay khi còn ở trong tu viện vẫn đặt điều nói xấu Thầy nói xấu bạn, nhưng khi những người này rời khỏi tu viện thường đặt điều nói xấu tu viện hơn, nói xấu Thầy, nói xấu bạn, nói xấu người làm ơn giúp họ. Họ cứ tưởng rằng mọi người sẽ nghe theo những lời nói xấu của họ đó sao? Bởi đức Phật đã dạy: **“Kẻ nói láo, nói xấu người khác là kẻ ác, kẻ không tốt, là người xấu”**.

Khi một người nói xấu người khác là người vô đạo đức làm người, họ giống như người tung bụi ngược gió, bụi sẽ dính vào họ. Một người đặt điều nói xấu người khác là người không tốt, thiếu đức thành thật, là người nói láo. Cho nên những học trò phạm giới, phá giới luật ở đây tuy không bị hình phạt đuổi, nhưng được xem là bị đuổi. Vì thế khi đi khỏi nơi đây đều có nói láo về tu viện như thế này hoặc như thế khác. Nhưng mọi người không bao giờ vội tin đâu các bạn ạ! Có dịp họ sẽ đến và tìm hiểu về tu viện nhiều hơn. Khi người ta muốn tìm hiểu về tu viện nhiều hơn thì sẽ rõ được sự nói láo, không thành thật của những người học trò vong ân bất nghĩa ấy.

Cho nên đức Phật dạy: **“Một người nói láo thì không có việc gì ác mà không làm”**. Một giới không vọng ngữ trong giới kinh niếp phục gồm đủ 10 giới trong giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa. Cho nên một giới trong giới kinh gồm đủ bốn công dụng:

- 1- Giới cấm là những điều ngăn cấm không cho vi phạm dù là những lỗi nhỏ nhặt.
- 2- Giới đức là tính chất đạo đức trong những hành động thể hiện tư cách sống qua ba chỗ: thân, miệng, ý.
- 3- Giới hạnh là những oai nghi tế hạnh được thực hiện qua thân hành, khẩu hành, ý hành.
- 4- Giới hành là những phương pháp thực hiện tu tập để tâm ly dục ly ác pháp; để tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ; để tâm không vi phạm những lỗi lầm nhỏ nhặt.

Giới cấm nghĩa là gì?

Đối với Phật giáo, giới cấm là tự tâm mình nhất quyết không làm những điều ác, tự mình ngăn cấm mình, chứ không phải giới cấm do Phật chế ra để ngăn cấm những đệ tử của mình làm sai. Bởi vì đệ tử của Phật đều là những người tự nguyện, tự giác sống đời sống Phạm hạnh theo Phật tu hành để cầu giải thoát, vì thế không bao giờ họ phạm giới, chứ không có giới luật nào bắt buộc họ cả. Cho nên giới cấm của các Tổ biên soạn ra như vậy là sai. Điều sai rất lớn trong giới luật cấm của Phật giáo ngày nay: giới cấm là giới cấm, tu sĩ là tu sĩ, giới cấm chỉ học để biết chơi, còn tu sĩ Phật giáo thì vẫn phạm giới như thường, xem giới luật như không có.

Giới cũng là một pháp môn tu tập, nên nó được gọi là giới vô lậu. Vì thế đức Phật dạy: **“Lấy giới luật làm thầy, làm chỗ nương tựa vững chắc”** hoặc “

Hãy tự thấp đuốc lên mà đi". Cho nên phải tự mình ngăn ngừa mình không cho vi phạm giới luật, tức là không cho mình làm điều ác, chứ không phải giới luật ngăn cấm mình không cho vi phạm điều ác như pháp luật. Vì thế giới hành dạy: **“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp”**. Ngăn ác diệt ác pháp tức là không vi phạm giới luật. Cho nên hằng ngày tu tập ngăn ngừa và diệt ác pháp như vậy thì làm sao vi phạm giới được. Phải không các bạn?

Đối với đạo Phật không có sự áp đặt, ức chế, không có sự bắt buộc, cấm đoán một người nào hết, mà phải tự giác tu tập cho mình, phải tự giác sửa mình, răn mình không nên làm điều ác, không nên vi phạm phải những lỗi lầm dù là những lỗi lầm nhỏ nhất. Vì sự tu tập này đem lại lợi ích cho chính bản thân của mình, chứ không phải đem lại lợi ích cho kẻ khác. Cho nên giới luật chế ra cấm đoán tu sĩ là không đúng với tinh thần tự giác của đạo Phật.

Một người ngoại đạo đến xin Phật tu hành theo Phạm hạnh của Phật thì Đức Phật cho họ sống trong chúng bốn tháng. Nếu vị ngoại đạo này thấy mình tự giác thích nghi sống được đời sống Phạm hạnh thì đức Phật và chúng Tăng chấp nhận cho họ xuất gia thành Tỳ Kheo. Còn nếu thấy tự mình không thể sống đời sống Phạm hạnh được thì xin rời khỏi Tăng đoàn, chứ không có ai bắt buộc mình sống đời sống Phạm hạnh cả. Cho nên giới luật của Phật là chỉ cho đức hạnh của một vị Sa Môn hay nói cách khác là quả vị của vị Sa Môn. Xin các bạn hãy đọc lại kinh Sa Môn Quả và kinh Phạm Võng trong kinh Trường Bộ tập 1 thì các bạn sẽ rõ và không nghi ngờ lời nói của chúng tôi là thiếu căn cứ kinh sách.

Ở đây chúng ta nên hiểu giới luật của Phật là một pháp môn tu tập vô lậu, chứ không phải là một pháp luật quốc gia. Cho nên giới bốn ra đời chúng tôi nghĩ rằng không phải Phật chế mà do sau này các Tổ nhận đệ tử chỉ lấy số đông để tạo thành một lực lượng đông người, ngõ hầu đối phó với những lực lượng của các hệ phái khác, nên không chọn lựa kỹ lưỡng, thu nhận người vào tu bừa bãi, vì thế đời sống của tu sĩ đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo. Thấy nguy cơ trong các Tăng đoàn nên các Tổ chế giới luật cấm tu sĩ, nhưng lại gán cho Phật chế sau 13 năm từ khi đức Phật chứng đạo. Các Tổ còn khéo dựng lên nhóm Lục Quân Tỳ Kheo thường phạm giới, phá giới. Do nhóm Lục Quân Tỳ Kheo mà đức Phật chế giới. Thực sự khi nghiên cứu về kinh Nguyên Thủy, chính bài pháp đầu tiên (Chuyển pháp luân lần đầu tiên dạy năm anh em Kiều Trần Như) là đã dạy giới luật qua chân lý thứ tư là **“Đạo Đế”** tức là Bát Chánh Đạo.

Thưa các bạn! Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Mạng... không phải là giới luật sao? Giới luật là pháp môn vô lậu. Vậy khi có Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Mạng... thì làm sao có lậu hoặc được, làm

sao có sát sanh, có trộm cắp, có tà dâm, có vọng ngữ, v.v..., phải không các bạn? Chính do tu sĩ phạm giới nên các Tổ mới chế giới luật ngăn cấm. Do đó giới bốn ra đời thì tu sĩ Phật giáo càng phạm giới nhiều hơn, là vì có giới luật mới thấy tu sĩ phạm giới rõ ràng, khi chưa có giới luật thì không thấy tu sĩ phạm giới là vì chưa có giới luật nên không căn cứ định tội được. Tu sĩ phạm giới là vì các Tổ nhận đệ tử bừa bãi, họ không tự nguyện, tự giác sống đời sống Phạm hạnh như Phật ngày xưa. Vả lại các Tổ không lưu ý đến Phạm hạnh và cũng không biết giới hành của đạo Phật là gì.

Xét trong tam tạng kinh điển của Phật giáo được kết tập từ Hán tạng phát triển của Bắc Tông đến tạng kinh Nguyên Thủy Pali của Nam Tông vẫn không tìm thấy các bộ **“Giới Đức, Giới Hạnh, Giới Hành”**, chỉ tìm thấy trong những bài kinh do Phật thuyết có đủ **“Giới Đức, Giới Hạnh, Giới Hành”**, mà không có giới cấm. Như vậy rõ ràng giới cấm là do các Tổ chế ra, còn Phật thì dạy: **“Giới Đức, Giới Hạnh, Giới Hành”**.

Cho nên đọc kinh sách Phật mà không xét thấu đáo thì chẳng hiểu đạo Phật là đạo tự giác, tự nguyện. Vì thế khi mọi người vào đạo Phật đều phải tự nguyện sống đời sống Phạm hạnh để mong cầu được sự giải thoát, chứ không có ai bắt buộc họ. Cho nên giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa sau 13 năm do chúng Tỳ Kheo phạm giới mà đức Phật chế ra để răn cấm chúng Tỳ Kheo; đó là các Tổ tự đặt ra nói như vậy, chứ không phải sự thật là vậy. Trong bộ Đường Về Xứ Phật tôi có nói sau 13 năm đức Phật chế giới bốn là nói theo tạng Giới luật. Dự định của tôi là sau khi biên soạn bộ **“Giới Đức, Giới Hạnh, Giới Hành”** của Phật thì sẽ chỉnh lại những điều sai trong giới bốn của các Tổ.

Vì thế bộ sách Mười Giới Đức Thánh Sa Di, và bộ Giới Đức Thánh Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni này ra đời là một tiếng sét về Giới Luật của Phật giáo, khiến cho những ai tu theo Phật giáo mà không sống đúng Bát Chánh Đạo là những người phi Phạm hạnh, phi Phật giáo; họ là Ma Ba Tuần trong Phật giáo; họ là trùng trong lòng Sư Tử. Trong những bộ Giới luật này được phổ biến rộng rãi để cho tín đồ Phật giáo hiểu biết một cách tường tận và phân biệt được đâu là tu sĩ thật, đâu là tu sĩ giả. Nhờ đó tín đồ chân chánh của Phật giáo sẽ tránh xa những người tu danh, tu lợi, tu giả dối, v.v..

Sau khi nghiên cứu lại tất cả các bộ giới thì chúng tôi xét thấy 37 phẩm trợ đạo của đức Phật là giới kinh. Giới kinh không phải chế ra để ngăn cấm đệ tử của mình. **Giới kinh là những kinh nghiệm tu tập của đức Phật khi đạt được cứu cánh giải thoát hoàn toàn.** Do lòng thương tưởng đến chúng sanh, nên Ngài mới dạy lại cho con người, để mọi người theo kinh nghiệm đó mà tu tập để được giải thoát làm chủ sanh tử và chấm dứt luân hồi như Ngài.

Giới kinh là những bài pháp dạy tu hành như trên đã nói, nó có đầy đủ bốn đức. Cho nên nếu ai bảo rằng giới kinh không phải Phật thuyết thì người đó chẳng hiểu gì về Phật giáo cả.

Bởi vậy, xét cho cùng tận giới bốn Ba La Đề Mộc Xoa ra đời là do các Tổ biên soạn ra để ngăn cấm một số tu sĩ Phật giáo thời bấy giờ giả danh tu sĩ Phật giáo, mượn đạo tạo đời, biến Phật giáo thành một nghề nghiệp sống, chạy theo danh lợi thế gian, làm điều phi giáo lý Nguyên Thủy, tạo ra nhiều điều mê tín trong Phật giáo, làm trái với chân lý của đạo Phật, khiến cho người đời sau trở thành những tín đồ sống trong ảo tưởng, ngu ngơ, mê tín, lạc hậu, đánh mất đường lối tu hành giải thoát của Phật giáo.

Đạo Phật là đạo tự giác, tự nguyện, chứ không phải đạo a dua, xu hướng chạy theo phong trào thời thế. Đạo Phật là đạo như thật, vì như thật nên người tu hành mới thoát ra khỏi sự đau khổ của kiếp làm người, mới làm chủ bốn chỗ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Do đạo Phật lợi ích thiết thực của kiếp làm người như vậy, nên những người theo đạo Phật là những người tự nguyện sống đời sống Phạm hạnh tức là đời sống nghiêm trì giới luật, là để đạt được cứu cánh giải thoát hay nói cách khác là để không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Đó cũng là mục đích để đạt được tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ.

Đây, chúng ta hãy đọc lại một đoạn kinh nói về một tu sĩ ngoại đạo tu theo hạnh con chó đến gặp Phật xin xuất gia tu hành theo Phạm hạnh của Phật, Phật dạy:

“- Nay Seniya, ai trước kia là ngoại đạo nay muốn xuất gia, muốn thọ đại giới trong pháp và luật này thì phải sống 4 tháng biệt trú. Sau khi sống 4 tháng biệt trú chúng Tăng nếu đồng ý sẽ cho xuất gia, thọ đại giới để thành vị Tỳ Kheo”.

Như đoạn kinh trên ai muốn theo Phật giáo tu hành thì phải sống biệt trú bốn tháng theo quy định của đức Phật. Vậy biệt trú nghĩa là gì?

Biệt trú có nghĩa là sống độc cư một mình, sống đúng Phạm hạnh của người tu sĩ Phật giáo.

Người sống biệt trú như vậy trong bốn tháng thì mới được Phật và chúng Tăng chấp nhận cho xuất gia làm đệ tử của Phật.

Đọc đoạn kinh trên đây vậy tất cả các bạn đã từng sống trong tu viện Chơn Như các bạn đã từng chứng kiến biết bao nhiêu người về đây xin tu hành, nhưng có

mấy ai sống đúng biệt trú, tức là sống đúng ba đức, ba hạnh: ăn, ngủ, độc cư, nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng chưa? Chỉ cao lắm là một tuần lễ, cho đến một tháng là họ đã phá hạnh biệt trú (độc cư) đi nói chuyện làm động cả tu viện, và còn ăn ngủ, phi thời. Vì thế họ không xứng đáng là đệ tử của tu viện Chơn Như.

Từ ngày nào cho đến giờ các bạn cứ nhìn xem mọi người về đây xin tu hành, có người nào sống đúng hạnh độc cư không? Hầu hết đều phá hạnh độc cư. Vì thế làm sao chúng tôi chấp nhận họ là đệ tử của tu viện Chơn Như.

Đức Phật ra điều kiện 4 tháng biệt trú, thì những người quyết tâm tu để cầu giải thoát tự nguyện xin đức Phật sống biệt trú 4 năm. Sống biệt trú bốn năm, chắc chắn các bạn không ai làm được phải không?

Sống biệt trú 4 năm đó là những người tự nguyện sống trong giới luật của Phật giáo ngày xưa; còn bây giờ những người về tu viện Chơn Như tu tập có tự nguyện sống được như vậy không? Điều này thấp đước đi tìm một người như vậy, cũng không tìm thấy. Phải không các bạn?

Thời nay tu ăn, tu ngủ, tu nói chuyện, tu danh, tu lợi, tu chùa to, Phật lớn, v.v.. thì không thiếu gì người, còn người tu tập để cầu giải thoát thì không có. Tu viện Chơn Như không mời thỉnh các bạn vào đây tu tập, nhưng các bạn đã tự nguyện vào, vậy cơ sao các bạn không giữ gìn Phạm hạnh. Phạm hạnh ở đây chỉ có ăn ngủ, độc cư, nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng. Chỉ có bấy nhiêu đó thôi, thế mà các bạn không giữ gìn được huống là Phạm hạnh trong thời đức Phật: ba y một bát, thiếu dục tri túc, tâm hồn phóng khoáng như hư không, trắng bạch như vỏ ốc, thì liệu các bạn có sống được không?

Từ bên Mỹ, bên Pháp, bên Úc... đường xa diệu vợi, hơn nửa trái đất, các bạn về đây tu tập, cơ sao lại không giữ trọn Phạm hạnh, không giữ trọn Phạm hạnh tức là sống không đúng đời sống giới luật thì các bạn tu tập cái gì! Rất uổng công, các bạn ạ!

Các bạn có tin lời nói của tôi không? Nếu tin sao các bạn sống phá giới, phạm giới như vậy? Để rồi các bạn tu hành chẳng ra gì. Các bạn có thấy điều này chẳng?

Trong thời đức Phật còn tại thế có dạy rằng: **“Một người tu tập theo Phật giáo phải hội đủ năm điều kiện mới có thể tu tập đi đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn”**. Vậy năm điều kiện ấy là gì?

1/ Lòng tin.

2/ Ít bệnh.

3/ Không gian trá.

4/ Tinh tấn siêng năng.

5/ Trí tuệ.

Qua năm điều kiện đức Phật đã dạy trên đây, chúng ta nhận xét về các bạn đã và đang tu tập tại tu viện Chơn Như, họ có tu tập, có giữ gìn đúng năm điều kiện này không?

Điều thứ nhất lòng tin: Theo tôi nhận xét các bạn đến tu viện Chơn Như với lòng bán tín bán nghi, tin chưa được trọn vẹn, nhất là đối với tôi, các bạn còn đang dò xét. Điều mà tôi nhận xét về các bạn rất rõ, đó là tôi dạy tu tập một đường mà các bạn lại tu tập một ngả. Tôi dạy các bạn tu ba đức: nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng; sống ba hạnh: ăn, ngủ và độc cư. Chỉ có ba đức, ba hạnh mà các bạn còn sống và tu tập không nổi như trên đã nói thì các bạn sống và tu tập pháp môn gì cho thành tựu được. Do thiếu lòng tin nơi tôi nên không sống độc cư trọn vẹn, thích tụ tập nói chuyện và thích ăn ngủ phi thời. Điều thứ nhất các bạn đã phạm phải lỗi lầm rất lớn thì con đường tu tập của các bạn đã đánh mất rồi. Khi thấy không đủ lòng tin nơi chúng tôi thì các bạn hãy đi tìm một pháp nào khác thích hợp hơn mà tu tập. Còn ở đây phạm phải những lỗi lầm khiến cho mình tu không được mà người khác cũng tu không được. Con đường tu tập theo Phật giáo lòng tin là đệ nhất pháp. Ai thiếu lòng tin thì sự tu tập chẳng bao giờ có kết quả.

Điều thứ hai tinh tấn siêng năng: Các bạn không siêng năng, ít đi kinh hành. Đó là điều đáng trách. Các bạn cứ nghĩ rằng ngồi khoanh chân kiết già là tu tập sao? Trong khi hôn trầm, thù miên, vô ký, ngoan không của các bạn cao ngút tận mây xanh mà các bạn lười biếng không chịu đi kinh hành là một chứng tỏ bạn không thể nào tu theo Phật giáo được. Phật giáo tu tập nhằm đối trị tâm tham, sân, si. Đi kinh hành là pháp đối trị tâm si. Các bạn có hiểu chăng?

Đi hai mươi bước ngồi hít thở năm hơi thở là để đối trị tâm lười biếng si mê của các bạn, thế mà các bạn không tu tập. Không tu tập như vậy thì các bạn làm sao phá tâm si được. Trong tam độc: tham, sân, si, người tu tập rất sợ về tâm si **“*Chẳng sợ tham, sân chỉ sợ tâm si*”**, vậy mà các bạn không tu tập thì làm sao đối trị tâm si được. Phải không các bạn?

Điều thứ ba không gian trá: Không gian trá tức là không gian xảo, không nói láo, thường không dối gạt người. Các bạn tu hành là để giải thoát cho các bạn, chứ không phải giải thoát cho tôi, cớ sao các bạn lại dối trá. Tu tập giờ khắc nghiêm chỉnh là không dối người; giờ khắc không nghiêm chỉnh là dối người;

người ăn uống ngủ nghỉ phi thời là dối người; người sống phá hạnh độc cư là người dối người; người thích hội họp nói chuyện là người ác khẩu là dối người. Điều tối kỵ của Phật giáo là những người gian xảo dối trá; những người này tu hành không bao giờ tìm ra sự giải thoát. Họ là những người không có đức thành thật; họ giống như nước rửa chân, chẳng dùng được, phải đổ bỏ.

Điều thứ tư trí tuệ: Không trí tuệ tức là thiếu sự nhận xét hiểu biết, thiếu lập trường tức là lập trường không vững, thường bị lôi cuốn vào những kiến giải, tưởng giải của người khác hoặc chạy theo xu hướng, a dua theo phong trào, theo thế lực, theo danh lợi, v.v..

Người thiếu trí tuệ là kẻ ngu si, khôn dốt, lanh lợi trong xảo trá, không hiểu pháp hành, mà tỏ ra như mình hiểu, nên thường tu tập sai pháp, tu tập không đúng pháp, thành ra bị ức chế tâm rối loạn thần kinh, căng mặt, nhức đầu, gây bao trở ngại cho đường tu tập.

Tu theo Phật giáo mà thiếu trí tuệ là một điều rất khó tu tập. Người thiếu trí tuệ là người không chịu nghe lời dạy của thiện hữu tri thức, thường tu theo kiến giải, tưởng giải của mình, đó là tu theo sự hiểu biết riêng tư, thường cố chấp theo những pháp nào đồng quan điểm. Cho nên những người ngoan cố thường sống trong cái ngu si của mình, không trí tuệ.

Điều thứ năm ít bệnh: Người có thân ít bệnh, tu hành theo Phật giáo rất dễ đạt được kết quả. Người có thân thường mang bệnh tật, tu hành theo Phật giáo rất khó khăn, nhất là người mới vào tu lại có thân bệnh thì càng tu tập khó khăn nhiều hơn. Nếu không may gặp phải pháp môn của kinh sách phát triển thì thân tâm dễ bị bệnh tật nan y (bệnh thần kinh).

Tu theo Phật giáo khi thân bị bệnh tật mà không biết pháp đối trị là một người chưa hiểu Phật pháp. Vì Phật pháp là một phương Thánh dược trị tất cả những bệnh nghiệp của con người. Cho nên thân có bệnh là có điều kiện để đánh đuổi giặc sanh tử. Nếu một người tu theo Phật giáo mà có được những cơ hội bệnh tật là điều thuận lợi tốt để tu tập. Nhờ đó mà chúng ta mới hiểu được Phật giáo là một pháp môn vi diệu vô cùng, đối trị bốn bệnh khổ: sanh, già, bệnh, chết của chúng sanh.

Phần đông những tu sĩ Phật giáo đều mang đầy ắp trong đầu những sự hiểu biết tưởng giải về kinh sách phát triển, về thiền định tưởng, nhưng đó không phải của Phật giáo, mà của ngoại đạo. Cho nên khi tu viện đón nhận những tu sĩ này vào, họ thường phá giới hạnh trong tu viện. Một người phạm giới ảnh hưởng đến nhiều người khiến cho sự đào tạo những bậc A La Hán ở đây trở nên khó khăn vô cùng. **Nếu không chấp nhận họ thì bớt bạn thêm thù, mà chấp nhận**

họ thì thêm thù bớt bạn và còn làm mất trật tự của tu viện.

Thưa các bạn! Nếu các bạn muốn đến tu viện Chơn Như tu tập thì các bạn phải xét mình có đủ năm điều kiện trên đây mà đức Phật đã dạy trong kinh số 85, lấy tên của một cư sĩ trong thời đức Phật còn tại thế mà đặt tên cho bài kinh này là Bồ Đề Vương Tử (Bodhijakumarasuttam).

Bài kinh ấy giúp cho chúng ta thấy được những cái sai, cái khó để thực hành cho đúng những lời dạy của đức Phật: ***“Ở đây này Vương Tử một vị Tỳ Kheo có lòng tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai, Ngài là Thế Tôn, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.***

2- Vị ấy ít bệnh, ít náo với bộ tiêu hoá được điều hòa, không quá lạnh, không quá nóng, trong trường hợp quá tinh tấn.

3- Vị ấy không gian trá, xảo trá, tự mình xử sự như chơn đối với Bạc Đạo Sư, đối với các vị có trí hay đối với các vị đồng Phạm hạnh.

4- Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn từ bỏ các bất thiện pháp, làm cho khởi lên các thiện pháp, kiên cố, kiên trì không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.

5- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt của các pháp, với sự thể nhập bậc Thánh đưa đến sự chân chánh đoạn diệt khổ đau”.

Nếu các bạn xét thấy mình có đủ năm điều kiện này thì các bạn về tu viện tu tập, chúng tôi sẽ hướng dẫn các bạn tu tập không bao lâu sẽ đạt sự giải thoát, làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Còn nếu các bạn giữ gìn năm điều này chưa trọn vẹn mà về tu viện tu tập thì chúng tôi e rằng các bạn chỉ phí cuộc đời, làm mất thời gian vô ích. Còn nếu các bạn có thật sự quyết tâm về tu viện tu tập để thật sự được giải thoát thì các bạn hãy tin nơi tôi, tôi sẽ giúp các bạn vượt qua bệnh tật và sự vô minh của các bạn bằng cách các bạn phải tự khắc phục mình không nói láo, lừa dối Thầy, bạn, phải tự siêng năng, tinh cần khắc phục hôn trầm, thùỳ miên, phải tự siêng năng tinh cần độc cư, nhiếp phục không đi nói chuyện với người khác. Nhờ có sống siêng năng tinh cần một mình (độc cư) để xả cho thật sạch tâm tham, sân, si. Nếu các bạn có quyết tâm tu tập như vậy thì các bạn hãy về tu viện tu tập, chúng tôi tin rằng các bạn sẽ thành tựu được sự giải thoát trong kiếp này.

--o0o--

(Hết phần 2)

Nguồn: Văn hoá Phật giáo truyền thống - Nhà xuất bản Tôn giáo

Tác giả: Trưởng lão Thích Thông Lạc